

# Mười câu chuyện sức mạnh của chân thật và nguyện cầu chân lý

Trích từ Tiểu Bộ Kinh Nikàya



**Tâm Tịnh cần tập**

Chuyện tiền thân số 422 của Tiểu Bộ Kinh kể rằng trong thời tối sơ, con người sống thọ đến một A tăng kỳ. Tương truyền đó là thời mọi người trên thế gian đều nói thật, người ta không biết từ "nói dối" nghĩa là gì cả. Một hôm, Vua ban chiếu chỉ cho các thần dân tập trung trước sân chầu để nghe Vua nói dối. Mọi người đều ngơ ngác và hỏi, "Nói dối là gì? Nói dối là vật gì? Có màu gì? Màu xanh, hay màu đỏ". Thời đó, con người có sắc thân rất tuyệt mỹ, toát ra mùi thơm của hoa chiên đàn, miệng có mùi thơm của hoa sen, là nhờ quả hành nghiệp chân thật, nói lời chân thật trong tiền kiếp.

Sống chân thật, nói lời chân thật là những đặc tính cao đẹp được các bậc hiền trí, đạo sư trong các tôn giáo chính thống ngày nay tán thán, ca ngợi, và được xã hội tôn vinh. Cho nên, người chân thật được nhiều người kính mến, tin tưởng và tôn trọng.

Trong truyền thống Phật giáo Nam tông, một vị Bồ Tát tu hành viên mãn 10 ba-la-mật, mới có thể thành tựu quả Phật toàn giác. Chân thật ba-la-mật là một trong 10 ba-la-mật. Chân thật ba-la-mật này kết hợp với nguyện cầu chân lý sẽ tạo thành sức mạnh siêu nhiên mà những ai có lòng tin 'kim cang' mới có thể tín thọ và pháp thọ được. Khi tín thọ và pháp thọ có được, thì tâm hân hoan đến pháp (này). Khi hân hoan đến pháp, thì hỷ sanh. Người có hỷ sanh, nên thân được khinh an. Với thân khinh an, người ấy có cảm giác lạc thọ. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Như thế pháp giả sẽ chảy dòng pháp 'chân thật' khi tín thọ pháp chân thật ba-la-mật này.

Để có thể cảm được những câu chuyện về sức mạnh siêu nhiên của nguyện lực chân lý, Tâm Tịnh xin trích một đoạn đối thoại trong Mi-Tiên Vấn đáp giữa Vua Milanda và Kỳ Kheo A La Hán Na Tiên về sức mạnh vô song này.

- Thừa đại đức! Trẫm nghe Đức Thế Tôn có thuyết rằng, đức vua Sivi do móc hai mắt của mình bố thí cho người đến xin nên có được thiên nhãn! Điều này trẫm nghi ngờ lắm! Móc đi hai mắt, nghĩa là không còn trông mắt, chẳng có con người, thì không rõ thiên nhãn phát sanh chỗ nào?
- Đại vương! Đây là loại câu hỏi vượt ngoài tầm mức của lý trí, ở ngoài các định luật tự nhiên, không rõ đại vương có đầy đủ đức tin để lãnh hội chăng?
- Đại đức cứ nói.

- Vâng, có hai ba-la-mật là chân thật (*sacca*) và nguyện lực (*adhitthàna*) ở trong mười ba-la-mật, đại vương có biết chăng?

- Thưa, có biết.

- Nếu hai ba-la-mật này được kết hợp thành một khối nhất như, gọi là "*nguyện lực chân thật*" thì bất cứ chuyện gì trên thế gian này cũng đều được thành tựu như ý muốn, thưa đại vương!

- Xin đại đức nói cụ thể hơn một chút.

- Khi trời không có mưa thì với "*nguyện lực chân thật*" này, cầu cho trời có mưa, tức khắc mưa rơi xuống. Như lửa đang cháy, với "*nguyện lực chân thật*" cầu cho lửa tắt thì lửa sẽ tắt. Thậm chí bị chất độc họa hại sinh mạng, với "*nguyện lực chân thật*" thì chất độc cũng không còn. Nếu một dòng sông chảy xuôi, với "*nguyện lực chân thật*", nước có thể chảy ngược dòng! Điều ấy quả là khó tin phải không đại vương?

- Với mọi người thì khó tin, nhưng trăm thì trăm tin.

- Hay lắm! Đức vua Sivi cũng như thế đó, tâu đại vương! Với "*nguyện lực chân thật*" nó tạo ra một năng lực siêu nhiên, năng lực siêu nhiên ấy làm cho đức vua phát sanh thiên nhãn. Chuyện khó tin nhưng có thật đấy, tâu đại vương!

Suy nghĩ một lát, đức vua lại hỏi:

- Những chuyện mà đại đức vừa nói, như mưa rơi xuống, lửa tắt, tiêu tan chất độc, dòng sông chảy ngược... Nói tóm lại là do nhân gì, duyên gì?

- Chính "*nguyện lực chân thật*" ấy là nhân, cũng chính "*nguyện lực chân thật*" ấy là duyên, tâu đại vương!

- Trong kinh có trường hợp nào cụ thể phát sanh năng lực siêu nhiên bởi nhân duyên "*nguyện lực chân thật*" ấy chăng, thưa đại đức?

- Thưa có! Đức vua danh hiệu là Cina, trị vì xứ Cina, có tâm mong muốn được dong xe ngựa ngao du trên biển cả, ngài bèn phát nguyện "*nguyện lực chân thật*" ròng rã bốn tháng trường như thế với tâm kiên trú bất thoái. Hôm kia, bằng vào một niềm tin không lay động, đức vua dong ra biển trên một cỗ xe có bốn ngựa kéo. Đức vua xứ Cina rất lấy làm thỏa thích, kể lại rằng,

cỗ xe bốn ngựa ngao du trên biển xa chừng một do tuần, các làn sóng tạt lên gong xe như nước tạt trên lá sen mà thôi. Đó là một chuyện, tàu đại vương.

- Trẫm muốn nghe thêm ví dụ cụ thể nữa.

- Đức vua Dhammasoka, hôm nọ, cùng với quân hầu ngự ra khỏi hoàng thành, thấy con sông nước chảy cuồn cuộn, chợt khởi lên ý nghĩ lạ thường rồi nói với quân hầu rằng: *"Này các khanh, các khanh có thấy hoặc có biết ai trên thế gian này có khả năng làm cho con sông này nước chảy ngược lại chăng?"*

Lúc ấy, ở bên sông có người kỹ nữ nghe được, cô ta bèn phát ngôn bằng *"nguyện lực chân thật"* như vậy: *"Tôi đây làm nghề kỹ nữ, bốn mùa bán thân nuôi miệng, sở dĩ như vậy là vì tôi chỉ muốn duy trì mạng sống chứ không có lý do nào khác. Điều ấy là hoàn toàn chân thật. Nếu lời tôi nói đây là chân thật thì xin dòng sông này chảy ngược ngay bây giờ, ngay trước mặt cho đức vua Dhammasoka trông thấy!"* Lời cô kỹ nữ vừa dứt, dòng sông tức khắc chảy ngược, đức vua kinh ngạc quá đỗi, không rõ nguyên nhân tại sao!

Khi biết rõ dòng sông chảy ngược là bởi do cô kỹ nữ, đức vua kêu lại phán hỏi: *"Cô là dạ xoa hay long vương mà có oai lực như thế?"* Cô kỹ nữ kính cẩn thưa: *"Đây là do sức mạnh của sự nói thật, chứ không phải do oai lực của một phi nhân nào cả, tàu đại vương!"* Đức vua không tin, bảo rằng: *"Có gì ở nơi ngươi, mà ngươi bảo rằng "chơn ngôn" (lời nói chân thật)? Ngươi là người không có trí tuệ, bốn mùa chơi bời, dâm ô, không có nét hạnh! Ngươi chỉ biết cảm dỗ tình dục mọi người, làm cho bao nhiêu đàn ông hư hỏng phải mê đắm, tan cửa nát nhà! Vậy có gì là đạo đức, hiền thiện ở nơi ngươi đâu mà dám bảo là "nguyện lực chân thật". Hãy nói cho trẫm nghe xem!"* Cô kỹ nữ bèn đáp: *"Tàu đại vương! Chính do tiện nữ nói thật nên "nguyện lực chân thật" kia mới tựu thành năng lực phi thường như thế!"*

Nghe xong câu chuyện, đức vua Mi-lan-đà trẫm ngâm:

- Qua các ví dụ của đại đức, bây giờ trẫm đã tin là đức vua Sivi quả có phát sanh thiên nhãn do bố thí hai mắt bằng *"nguyện lực chân thật"* của mình. Thật là kỳ diệu vậy!

(Trích Mi\_Tiên vấn đáp, số 94 bố thí mắt được thiên nhãn.  
<https://www.budsas.org/uni/u-kinh-mitien/mitien-05.htm>)

Để có thêm tư liệu về những sức mạnh siêu nhiên của nguyện cầu chân thật, Tâm Tịnh xin giới thiệu 10 câu chuyện về sức mạnh vô song của nguyện cầu chân lý, được trích dẫn từ các câu chuyện tiền thân trong Tiểu Bộ Kinh Nikàya.

Tập chuyện này chia thành năm chương. **Chương một - Sức mạnh vi diệu của công đức chân thật và nguyện cầu chân lý.** Chương này mở đầu bằng một đoạn trích từ bài kinh số 86 Angulimàla (Vô Não) thuộc Trung Bộ Kinh kể về sức mạnh của nguyện cầu của Tỷ Kheo Angulimàla xin cho người phụ nữ đang chịu khổ vì cơn đau đẻ, được sinh con vẹn toàn liên hệ đến công đức chân thật về việc không sát sanh của ngài kể từ khi gia nhập Tăng đoàn của Thế Tôn. Tiếp theo đó là bốn câu chuyện về sức mạnh siêu nhiên của công đức chân thật và nguyện cầu chân lý. **Chuyện thứ nhất** kể về sức mạnh chân thật của sự thủy chung của nàng Sambu, tiền thân của hoàng hậu Malli biến nước lạnh thành cam lồ, chữa lành căn bệnh phong cùi của phu quân nàng như được đúc kết bằng những vần kệ cảm tác sau:

Rừng xưa ở Thành Bra-tta  
Có nàng tố nữ tên là Sambu  
Dung nhan sáng rực tuyệt trần  
Một lòng chung thủy Phó Vương So-thì  
Lang quân lở loét phong cùi  
Hôi tanh đau nhức ngứa y lắc đầu  
Vào rừng chờ chết cho xong  
Sambu theo gót chăm non chân tình  
Miếng ăn, giấc ngủ của chàng  
Lâu khô máu mủ đắp thang thuốc rừng  
Lo xong mới nghĩ đến mình  
Sở hành như thế mà nàng thấy vui  
Một hôm tắm gội suối vàng

Sau khi hái quả lượm hoa lá rừng  
Dung nhan sáng rực cả vùng  
Khiến cho thần quỉ say tình ngất ngay  
Bắt nàng làm vợ liền ngay  
Bốn trăm thần nữ Dạ Xoa theo hầu  
Hống lên tiếng nói chung lòng  
Lang quân đau ốm héo mòn chờ mong  
Ngai vàng Đế Thích nóng rang  
Vì công hạnh của Sambu chân hiền  
Vua trời Đạo Lợi đến liền  
Vung dây thần bắt Dạ Xoa si tình  
Phu quân ngóng đợi bên song  
Thử nàng liền trách quá giờ đêm hôm  
Phải chăng vấp phải tình lang  
Nàng về quá muộn đêm khuya thế này?  
Thiếp đây chung thủy một lòng  
Nguyện cầu chân lý chứng cho lòng này  
Sự thật chân lý nhiệm mầu  
Nước đây chữa hết bệnh phong cho chàng  
Nước nguyện vừa tưới lên chàng  
Như cam lồ thủy hết ngay bệnh cùi.

***Chuyện thứ hai*** kể về sức mạnh vi diệu của sự nguyện cầu và công đức chân thật về giữ giới không sát sanh của vị thuyền trưởng đã cứu 700 lái buôn thoát nạn bị chết thê thảm trong vùng biển xoáy, như được cô đọng bằng những bài kệ cảm tác sau:

Bảy trăm thương gia xứ Bhar-ka  
Đi tìm vàng bạc chốn khơi xa  
Thuyền buôn sa lặc vùng hải đảo  
Hố thẳm sâu hãm nhiều sóng Ma  
Dâng lên cao ngút tựa Sơn La  
Vang lên tiếng thét thật ghê rợn  
Khiếp vía sầu lo cùng la khóc  
Đồng thanh gào thét thật chẳng khác  
Như bị lửa đốt ngục A Tỳ  
Sa-ppà, thuyền trưởng chân hiền trí  
Cứu mạng tất cả bằng chánh ngôn  
Chân lý thần diệu công đức lành  
Không sát một ai người nhớ rõ  
Thân này trong sạch tựa lưu ly  
Nguyện cầu chân lý xin bày tỏ  
Thoát khỏi hiểm này thuyền trở lại  
Bến cũ vạn an cho mọi nhà  
Lập tức thuyền kia quay lại bến  
Là nhờ chân lý nguyện cầu thiêng!

**Chuyện thứ ba** kể về sự nguyện cầu chân thật của những người thân trong hoàng tộc mong cho thái tử thoát nạn bị quỷ nhân ăn thịt trong rừng sâu, được trợ về đoàn tụ với hoàng gia.

**Chuyện thứ tư** kể về sức mạnh chân thật và nguyện cầu chân lý về công đức giữ giới không sát sanh của con cá lớn đã cứu nòi giống thoát cảnh diệt vong như được mô tả bằng những vần kệ sau:

Hạn hán lâu ngày ao cạn nước  
Đàn cá phơi mình miếng mồi ngon  
Bày quạ tụ lại xơi thịt sống  
Đau buồn thấy cảnh thật xót thương  
Cá vương hiền trí rơi giọt lệ  
Thực hành nguyện cầu hạnh chân lý  
Từ khi sinh ra ta là cá  
Là loại ăn thịt nòi giống mình  
Ta không hề sát một sinh linh  
Dù nhỏ dù to hỡi Pa ju  
Chân thật nguyện cầu xin thiên chủ  
Cho mưa làm đầy ao cạn đáy  
Để cứu giống nòi nạn duyệt vong  
Sấm chớp mưa rơi khắp cả vùng  
Là nhờ nguyện cầu hạnh thật chân  
Đàn cá thoát nạn hết sầu bi.



**Chương hai - Công đức lành của chân thật và quả báo xấu của hư dối.**

Chương này gồm hai chuyện. **Chuyện thứ năm** kể về sự chân thật của người buôn ghè nước đã được quả báo lành, được hai bà cháu nghèo khó hoan hỷ đổi bát vàng trị giá trăm ngàn đồng vàng để lấy một bát chè. Ngược lại, vì gian dối lòng mà kẻ buôn ghè nước tham lam bị chết ức hận, như được vắn tắt bằng những vần kệ sau:

Bát vàng không xứng một xu  
Với người hư dối tham tâm chất chồng  
Bát kia lại đáng trăm ngàn  
Với người chân chính hiền lương thân tình  
Bát vàng con lấy cho Già  
Là nhờ công đức thật thà của con  
Người buôn ghè nước chân phương  
Móc ra tất cả số tiền trong bao  
Hết thấy hơn một ngàn vàng  
Trao cho bà cháu nghèo nàn tình chân  
Kẻ buôn ghè nước vô tâm  
Tìm quay trở lại lừa mua bát vàng  
Không may mới biết rõ rành  
Bát vàng đã tặng cho người đồng buôn  
Nổi điên máu huyết tuôn trào  
Lăn ra chết mất vì gian dối lòng.

**Chuyện thứ sáu** kể về vị một vị vua bảy lần nói dối về cùng một vấn đề. Mỗi lần nói dối, phước báu rơi rụng dần, và đến lần thứ bảy vẫn cứ nói dối, vua bị

quả đất nuốt chửng. Tuy nhiên trong bảy lần nói dối này, chỉ một lần nói thật vua sẽ phục hồi tất cả phước báu như trước.

**Chương ba - Sức mạnh chân thật của những điều kín nhiệm và nguyện cầu chân lý- *Chuyện thứ bảy*** kể về những điều thối kín của ba cá nhân: một vị tu khổ hạnh nhiều năm không đắc năm thắng trí và chứng tám thiền nản chí đi du phương; Một nam thương gia cúng dường và bố thí vì truyền thống gia đình chứ không hân hoan trong việc bố thí; và một người vợ sống chung với thương gia mà không thật lòng vì tình yêu. Song để cứu lấy đứa con trai bị nọc độc rắn đang xâm nhập vào cơ thể, cả ba đều thực hiện nguyện cầu chân lý về những điều kín nhiệm riêng tư. Kết quả nọc độc rắn ba lần được ói ra sau mỗi lần nguyện cầu chân lý từ người tu khổ hạnh, người chồng và người vợ (cha mẹ đứa bé). Nhờ vậy đứa bé thoát chết.

**Chương bốn -Sức mạnh chân thật của tự tánh pháp hiện hữu nơi thân và công đức chân thật của chư Phật trong sự nguyện cầu chân lý – *Chuyện thứ tám*** kể về con chim cun cút con dựa vào công đức chân thật của chư Phật quá khứ và tự tánh hiện hữu nơi thân để dập tắt ngọn lửa đang thiêu cháy khu rừng để cứu rất nhiều hữu tình như được mô tả trong đoạn trích sau đây

"Trong thế giới này, có công đức, thật sự có công đức. Có những vị trong quá khứ viên mãn thành tựu các hạnh Ba-la-mật, ngồi dưới gốc Bồ-đề, chứng Chánh Đẳng Giác, đầy đủ giới định tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, thành tựu chân lý, lân mẫn từ bi, nhẫn nhục tụ tập lòng thân ái, bình đẳng đối với tất cả chúng sanh, những vị Phật Nhất thiết trí. **Có những công đức Pháp mà các vị ấy đã chứng đắc. Và ta có được một sự thật: Một tự tánh pháp hiện hữu.** Do vậy, ta cần phải niệm các công đức đã được các đức Phật quá khứ chứng đắc, nắm giữ tự tánh pháp về sự thật hiện có nơi ta, làm một hạnh chân đầy lui ngọn lửa, đem lại an toàn cho ta và cho các con chim còn lại".

**Chương năm - Sức mạnh chân thật của nguyện cầu và sự kiên định/quyết định kiên cố** gồm hai câu chuyện. **Chuyện thứ chín** kể về sự nguyện lực chân lý về hạnh bố thí đôi mắt của nhà vua, kết quả vua được thiên nhân. **Chuyện thứ mười** kể về sức mạnh của sự kiên quyết của người tu khổ hạnh trong việc nói lên sự thật xấu xa cho vua hay về sự thông dâm của mình với hoàng hậu. Kết quả vị tu khổ hạnh liền nhàm chán ái dục, năm thắng trí và tám thiền chứng liền được hoàn lại, và người tu khổ hạnh bay lên hư không trở về vùng tuyết sơn.



# Chương I - Sức mạnh vi diệu của công đức chân thật và nguyện cầu chân lý

## Đoạn trích từ Trung bộ kinh số 86. Kinh Angulimàla (*Angulimàla sutta*)

Rồi Tôn giả Angulimala, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Savatthi để khát thực. Trong khi đi khát thực từng nhà một ở Savatthi, Tôn giả Angulimala thấy một người đàn bà đang sanh đẻ, rất là nguy kịch và đau đớn. Thấy vậy, Tôn giả suy nghĩ: "Thật đau khổ thay các chúng sanh! Thật đau khổ thay các chúng sanh! " Rồi Tôn giả Angulimala, sau khi đi khát thực ở Savatthi, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Angulimala bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, ở đây, con vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào thành Savatthi để khát thực. Bạch Thế Tôn, trong khi đi khát thực từng nhà một ở Savatthi, con thấy một người đàn bà đang sanh đẻ, rất là nguy kịch, đau đớn. Thấy vậy, con suy nghĩ: "Thật đau khổ thay các chúng sanh! Thật đau khổ thay các chúng sanh! "

-- Này Angulimala, Ông hãy đi đến Savatthi, sau khi đến, nói với người đàn bà ấy như sau: "Này Bà chị, vì rằng tôi từ khi sanh ra chưa bao giờ cố ý giết hại mạng sống của chúng sanh, mong rằng với sự thật ấy, bà được an toàn, và sanh đẻ được an toàn!"

-- Bạch Thế Tôn, nếu làm vậy, thời con là cố ý nói láo. Bạch Thế Tôn, con đã cố ý giết hại mạng sống rất nhiều chúng sanh rồi.

-- Vậy thì, này Angulimala, Ông hãy đi đến Savatthi, sau khi đến hãy nói với người đàn bà ấy như sau: "Này Bà chị, vì rằng tôi từ khi được Thánh sanh đến nay chưa bao giờ cố ý giết hại mạng sống của chúng sanh, mong rằng với sự thật ấy, bà được an toàn và sanh đẻ được an toàn!"

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Angulimala, sau khi vâng đáp Thế Tôn, đi đến Savatthi, sau khi đến nói với người đàn bà ấy như sau: "Thưa Bà chị, vì rằng tôi từ khi được Thánh sanh đến nay chưa bao giờ cố ý giết hại mạng sống của chúng sanh, mong rằng với sự thật ấy, bà được an toàn, và sanh đẻ được an toàn!" Và người đàn bà được an toàn, sanh đẻ được an toàn.

## **Câu chuyện thứ nhất: Sức mạnh của nguyện cầu chân lý về lòng thủy chung**

(Trích từ chuyện số 519. Chuyện Hoàng hậu Sambulà (Tiền thân Sambulà)

***Run rẩy nép mình dáng hải kinh..,***

*Câu chuyện này bậc Đạo sư kể lại trong lúc Ngài trú tại Kỳ Viên, về Hoàng hậu Mallikà (Mạt-lợi)*

*Phân khởi đầu được kể đầy đủ trong Tiền thân Kammàsapinda (số 415, tập IV). Lúc bấy giờ nhờ công đức cúng dường ba phần cháo dâng đức Như Lai, ngay hôm ấy bà được sắc phong địa vị chánh hậu, cai quản đám cung tần trung tín, bà đầy đủ năm vẻ nữ sắc yêu kiều, tài trí tốt bụng, lại là đệ tử của đức Phật, bà tỏ ra là một vợ hiền tận tụy. Lòng nhiệt tình của bà sáng chói tỏa khắp cả kinh thành.*

*Vì vậy một ngày kia, các Tỷ-kheo bắt đầu bàn luận trong Chánh pháp đường việc hoàng hậu Mallikà là một hiền phụ trung kiên, tận tụy như thế nào. Bậc Đạo sư, lúc đến đó, liền hỏi các Tỷ-kheo đang bàn luận đề tài gì, và khi được biết, Ngài bảo:*

*- Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngay cả ngay xưa nữa, bà ấy đã là một vợ hiền tận tụy.*

*Nói vậy xong, Ngài kể câu chuyện quá khứ.*

\*

Một thuở nọ, Brahmadatta có một hoàng nam mệnh danh là Sotthisena, và lúc đến tuổi trưởng thành, chàng được phong làm phó vương. Chánh phi của chàng là Sambulà cực kỳ diễm lệ, dung sắc rực rỡ chói lọi như thể ánh đèn chiếu sáng trong chốn tối tăm.

Song dần dần chứng bệnh phong cùi xuất hiện trên mình phó vương Sotthisena và mọi lương y đành bó tay chữa trị. Khi các vết lở loét chảy mủ ra, thật hôi tanh khủng khiếp đến độ phó vương tuyệt vọng kêu lên:

*- Ngai vàng có ích gì cho ta đâu? Thôi ta vào rừng sâu này chết một mình không cần bạn bè cho xong.*

Khi đã cho trình vua cha, chàng rời hậu cung ra đi.

Mặc dù chàng cố sức ngăn cản, Sambulà vẫn không chịu trở về, mà bảo:

- Thiếp xin nguyện chăm sóc Chúa công trong rừng thẳm.

Rồi nàng cùng chàng ra đi, từ bỏ kinh thành. Khi vào rừng, chàng xây một lều cỏ để trú thân ở một nơi có bóng cây và nước suối, trái rừng đầy đủ. Còn vương phi sẵn sóc chàng ra sao?

Nàng dậy thật sớm, quét dọn lều sân mang nước đến cho chàng súc miệng. Khi chàng súc miệng xong, nàng nghiền nát nhiều loại cỏ thuốc thoa vào các vết lở loét của chàng rồi đưa trái cây ngon ngọt cho chàng ăn. Khi chàng đã súc miệng, rửa tay, nàng chào chàng và bảo:

- Xin Chúa công hãy chuyên tâm làm việc thiện.

Rồi nàng cầm cái thúng, cái xẻng, và cái móc đi vào rừng hái trái cây cho chàng. Khi chàng ăn hết, nàng đem nước thơm cho chàng uống rồi mới ăn trái cây phần mình.

Nàng lại sắp đặt một tọa sàng có khăn phủ lên, và trong lúc chàng nằm trên đó, nàng rửa chân cho chàng, thay áo quần, tắm gội đầu cho chàng xong, nàng đến nằm xuống cạnh tọa sàng. Nàng chăm sóc Chúa công của nàng như vậy đó.

Một ngày kia, trong lúc đem trái cây về nhà, nàng thấy một hang có con suối, nàng liền đặt thúng trên đầu xuống, đứng bên bờ hang, rồi bước xuống tắm, nàng xoa khắp người với thuốc nhuộm vàng rồi tắm rửa. Xong xuôi nàng treo lên mặc áo quần bằng vỏ cây và đứng trên bờ suối. Cả khu rừng sáng rực lên vì dung sắc rực rỡ tỏa ra từ thân thể nàng. Lúc ấy có một con ác quỷ Dạ-xoa đi tìm mồi, thoát trông thấy nàng, liền mê mẩn ngâm đôi vầng kệ sau:

*1. Run rẩy nép mình dáng hỡi kinh,  
Ai đây đang đứng cạnh hang ghênh,  
Nói đi, thực nữ thân bồ liễu,  
Quyến thuộc là ai, với quý danh?*

*2. Nương tử là ai, đẹp rõ ràng,  
Đâu là dòng giống của nhà nàng,  
Khiến nàng chiếu rực khu rừng sáng,  
Chón lạc cư muôn loại thú hoang?  
Yêu quý là ta đây kính cẩn  
Nghiêng mình, bái phục trước tôn nhan!*

Nghe ác quỷ nói thế, nàng đáp lời qua ba vắn kệ:

*3. Thái tử Sot-thi kế vị ngai,  
Xứ Kà-si, hãy biết như vậy,  
Ta là vương hậu hoàng nam ấy,  
Thường gọi Sam-bu chính hiệu này.*

*4. Vương tử Vi-đề đang ốm đau,  
Khổ thân mê loạn ở rừng sâu,  
Mình ta chăm sóc chàng nằm liệt,  
Không thể, chắc chàng phải chết mau!*

*5. Đây miếng thịt nai thật ngọt ngon,  
Ta vừa kiếm được chôn rừng hoang,  
Đem về dâng chúa công ta đó,  
Giờ bởi thiếu ăn đã mỗi mòn!*

Ác quỷ:

*6. Chúa công bệnh hoạn ích gì chẳng?  
Ngài chẳng cần vương hậu, hỡi nàng,  
Mà chỉ cần người nuôi bảo hộ,  
Ta mong chiếm địa vị ông hoàng!*

Vương phi:

*7. Lòng ta mòn mỏi với ưu sầu,  
Khốn khổ bơ vơ, đẹp chẳng cầu,  
Nếu quỷ vương tìm nương tử mới,  
Hãy cầu nàng khác đẹp dường nào!*

Ác quỷ:

*8. Thê thiếp bốn trăm sẵn của ta  
Tôn vinh lâu các ở đời xa,  
Xin nàng chiếu cố, ngôi cao ngự,  
Cho thỏa bao nguyện ước thiết tha.*

*9. Hỡi mỹ nhân tươi sáng ánh vàng,  
Những gì nàng quý chuộng cho nàng,  
Ta đều ban tặng, xin mời đến,*

*Cùng ta tận hưởng thú trần gian.*

*10. Nếu chối từ làm vợ quý vương,  
Hiển nhiên nàng hóa miếng mồi ngon  
Cho ta thọ dụng hôm nay đây,  
Để lót lòng ta đã nhịn cơm.*

Bác Đạo sư:

*11. Ác quỷ mây râu rậm bầy chòm,  
Khiến cho người thất đảm kinh hoàng,  
Thấy nàng lạc lỏng bơ vơ bước,  
Liên nắm chặt tay ấy của nàng.*

*12. Bị cầm giam bởi quỷ hung tàn,  
Cừu địch nàng kia, ác dục tràn,  
Nàng chỉ khóc thương chàng vắng mặt,  
Chẳng hề quên nỗi khó riêng chàng.*

Vương phi:

*13. Ta chẳng buồn vì số phận ta,  
Làm mồi cho quỷ ác cắn thù,  
Song vì tình trượng phu tôn quý,  
Ly biệt ta, đành phải héo khô.*

*14. Chư thần đi vắng cả rồi chăng?  
Chẳng vị nào cai quản thế gian  
Để trấn áp hành vi sỉ nhục,  
Cản ngăn điều phóng đảng dâm loạn!*

Lúc ấy cung đình của Đế Thích Thiên chủ rung động vì công năng đức hạnh của nàng, chiếc ngai bằng hoàng thạch của ngài trông có vẻ nóng lên; ngài suy nghĩ, tìm ra duyên cớ, liền cầm kim cương chùy phi nhanh đến trước con quỷ và ngâm vãn kệ:

*15. Giữa đám quân đệ nhất danh,  
Chính nàng toàn hảo, trí thông minh,  
Khác nào ngọn lửa đang bùng sáng,  
Vị thử người ăn thịt gái lành,  
Ác quỷ, đầu người liền vỡ nát,*



*Thành ra bảy mảnh phải tan tành.  
Vậy đừng làm hại nàng, nên thả,  
Nàng, vợ hiền dưng hiền trọn mình.*

Nghe vậy, con quý liền thả Sambulà. Thiên chủ nghĩ thầm: "Con quý này sẽ còn tái phạm một lần nữa".

Vì thế ngài lấy dây trói, giam lỏng nó trên ngọn núi thứ ba cách xa chỗ ấy, để nó không trở lại đây được, rồi nồng nhiệt ngợi khen vương phi xong, ngài trở về thiên đình của ngài. Còn vương phi, sau khi mặt trời lặn, phải nhờ ánh trăng trở về lều cỏ.

Bạc Đạo sư ngâm tám vần kệ giải thích sự việc:

*16. Thoát quý kia, nàng vội lại nhà,  
Như chim về thấy chết con thơ,  
Hay bò bị cướp bê con đại,  
Than khóc nhìn hang ổ trống rơ.*

*17. Cũng vậy, Sam-bu tiếng tốt vang,  
Hoàng phi liền cất giọng kêu than,  
Thất thần, hoảng hốt, bơ vợ quá,  
Đơn độc, vô phương giữa núi ngàn:*

*18. "Tiện thiếp xin quỳ lạy Đạo sư,  
La-môn, hiền thánh trí nhân từ,  
Bơ vợ, lạc lỏng thay, thân thiếp  
Chạy đến thần nhân để trú nhờ.*

*19-20. Cọp beo, sư tử, chúa sơn lâm,  
Cùng các loài hoang thú ở giữa rừng,  
Tiện thiếp xin chào mừng tất cả,  
Cỏ cây, hoa lá mọc um tùm,  
Xin chào rừng rậm màu xanh ngắt  
Cùng núi cao dốc đứng chập chùng.*

*21. Tiện thiếp xin thi lễ Dạ thần,  
Trên cao tinh tú điểm huy hoàng,  
Đêm dày tựa đóa sen xanh thắm,  
Nhuộm vẽ đậm đà nhất thế gian!*

*22. Thiếp xin thi lễ cả sông Hằng,  
Là mẹ hiền chung của suối sông,  
Ở giữa loài người trên hạ giới,  
Bha-gi-ra mỹ hiệu vang lừng.*

*23. Tiệp thiếp xin chào đỉnh Tuyết Sơn,  
Là vua ngự trị mọi sơn lâm,  
Đà chồng chất nhất cao hùng vĩ,  
Vượt hẳn lên toàn cảnh thế gian.*

Nhìn thấy nàng đang than khóc như thế, Sotthisena nghĩ thầm: "Nàng than khóc quá lời. Ta không biết có ý gì đây, nếu nàng làm thế vì yêu thương ta, thì tim nàng sẽ tan nát. Thôi ta phải thử nàng xem sao".

Chàng liền đi đến ngồi ở cửa lều. Nàng đến cửa vẫn còn than khóc, đánh lễ chàng xong, nàng hỏi:

- Nầy giờ chúa công ở đâu?

Chàng đáp:

- Này vương phi, ngày thường nàng chưa hề về nhà giờ này, hôm nay nàng về quá trễ.

Rồi chàng ngâm vần kệ hỏi nàng:

*24. Này quý phi danh tiếng vọng vang,  
Sao nàng về muộn quá chiều tàn?  
Tình lang yêu dấu nào đâu hẳn  
Đã giữ nàng lâu hóa trễ tràng?*

Nàng đáp lại:

- Tàu chúa công, thiếp đang mang trái cây về nhà thì gặp một con quỷ si tình thiếp, nắm tay thiếp và bảo: "Nếu nàng không nghe lời ta, ta sẽ ăn thịt nàng ngay".

Và nàng ngâm vần kệ:

*25. Bị cừu địch bắt, nặng sầu tư,  
Thiếp nói lời cùng quỷ Dạ-xoa:*

*"Ta chẳng buồn đau vì số phận  
Làm mối cho ác quỷ tình ma,  
Song vì tình trượng phu tôn quý  
Ly biệt ta, đành phải héo khô".*

Rồi nàng kể hết mọi chuyện cho chàng nghe và nói:

- Khi thiếp đang bị quỷ bắt giữ như vậy không thể nào thoát thân được, thiếp liền xin sự phò hộ của chư thần, nên Đế Thích Thiên chủ hiện ra, cầm chùy kim cương trong tay, ở trên không hăm dọa ác quỷ thả thiếp ra. Rồi ngài lại lấy dây thần trói quỷ trên ngọn núi thứ ba xa chỗ ấy, xong biến mất. Thế là thiếp đã được Đế Thích Thiên chủ cứu mạng.

Thái tử Sotthisena nghe xong liền bảo:

- Nay vương phi, chuyện có thể là như vậy. Với nữ nhân thật khó biết được sự thật. Trong vùng Tuyết Sơn có nhiều sơn nhân, ẩn sĩ, và pháp sư. Ai sẽ tin nàng đây?

Nói vậy xong chàng ngâm vãn kệ:

*26. Các nàng ngọc nữ quá tình khôn,  
Thật hiếm khi tìm được thật chơn,  
Cung cách nữ nhân làm rối trí,  
Như đường cá lội giữa trùng dương!*

Nghe vậy, nàng đáp:

- Tâu Chúa công, dù chàng không tin thiếp, thiếp vẫn nói nhân danh chân lý và thiếp sẽ chữa bệnh cho chàng.

Thế là khi đã rót đầy một bình nước để thực hiện một lời Ước nguyện Chân lý, nàng đổ nước từ trên đầu chàng và ngâm vãn kệ:

*27. Ước mong Chân lý, chốn nương thân,  
Thiếp chẳng yêu ai khác Chúa công,  
Thiếp nguyện cầu xin nhờ Nói Thật  
Bệnh chàng nay được chữa lành chăng?*

Khi nàng thực hiện lời Nguyện cầu Chân lý ấy xong, nước vừa được rảy lên đầu Sotthisena thì bệnh hủi liền biến mất như thể rỉ đồng gặp cường toan vậy. Sau khi ở lại đó vài ngày, hai vị rời khu rừng, đi đến Ba-la-nại và vào ngục viên.

Phụ vương biết chuyện hai con đã về, liền vào ngự viên, ngay tại đó, ngài bảo đem chiếc lọng hoàng gia đến che lên đầu Sotthisena, làm lễ quán đảnh sắc phong Sambulà lên ngôi chánh hậu. Sau đó ngài đưa hai con về thành, và chính ngài xuất gia tu hành, lập am trong ngự viên, nhưng vẫn thường dùng ngự thiện trong cung.

Còn vua Sotthisena chỉ phong Sambulà lên ngôi chánh hậu, song chẳng ban huệ gì cho nàng, chàng chẳng quan tâm ngay cả đến đời sống của nàng, mà chỉ ham hưởng lạc thú với những nữ nhân khác. Sambulà hờn ghen với đám tình địch kia nên gây mòn bạc nhược, cả thân hình nổi gân xanh xao ra đáng bệnh hoạn.

Một ngày kia, phụ hoàng của vua, vì ản sĩ đã xuất gia ấy, đến dùng ngự thiện, nàng liền yết kiến ngài cho khuây khỏa nỗi buồn. Sau khi ngài dùng bữa xong, nàng đánh lễ ngài và ngồi xuống một bên. Trông thấy tình trạng suy nhược của nàng, ngài ngâm vãn kệ hỏi:

*28. Bảy trăm vương tượng trực bên mình,  
Phòng hộ sẵn sàng khởi chiến binh,  
Thiện xạ hàng trăm ngựa hiềm họa,  
Đâu cừu nhân đến khiến hồn kinh?*

Nghe vậy, nàng đáp lại:

- Tàu phụ vương, chúa thượng không còn như xưa đối với thần thiếp nữa.

Rồi nàng ngâm năm vần kệ:

*29. Chàng yêu mỹ nữ tựa liên hoa,  
Giọng điệu thiên nga cất tiếng thưa,  
Rung động lòng chàng say đắm đuối,  
Khi chàng nghe chúng nhịp nhàng ca,  
Thiếp không còn ngự trong tâm tưởng,  
Tình cảm chàng, như một thuở xưa!*

*30. Nữ nhân dáng đẹp tựa thiên nga,  
Trang điểm toàn châu báu sáng lòe,  
Tuyệt sắc cung tần nằm yếu điệu,  
Mé hồn quyến rũ mắt vương gia!*

*31. Mong lần nữa lạc bước rừng hoang,  
Kiếm mỗi bữa ăn đỡ dạ chàng,  
Thiếp sẽ được chàng yêu quý lại,*

*Rừng xanh ngọc trĩ bỏ ngai vàng!*

*32. Gấm vóc lụa là khoác nữ nhi,  
Cao lương mỹ vị đủ tràn trề,  
Diễm kiều, song nếu chàng không chuộng,  
Thà kết lụa đào để chết đi!*

*33. Gái nghèo khôn khổ ngủ giường rơm,  
Nếu được yêu thương dưới mắt chồng,  
Cũng hưởng một đôi niềm hạnh phúc,  
Mà người chỉ thiếu tấm tình nồng  
Không hề biết đến, dù đầy đủ  
Tất cả mọi điều, tấu phụ vương!*

Khi nàng giải thích cho vị vua ả sĩ hiểu nguyên nhân vì đâu nàng héo mòn như vậy, ngài liền triệu vua tới và bảo:

- Nay vương nhi Sotthisena, khi vương nhi bị bệnh hủi giày vò khôn khổ phải chốn vào rừng sâu, nàng đã cùng vương nhi vào rừng, săn sóc hầu hạ đủ mọi nhu cầu cho vương nhi, lại nhờ thần lực Chân lý chữa bệnh cho vương nhi nữa; bây giờ sau khi nàng đã làm phương tiện cho vương nhi ngọc chiếc ngai vàng, vương nhi không biết đến địa vị của nàng, thật là lỗi đạo lắm. Một hành động phản bội bạn hiền như vậy là một tội lớn.

Rồi ngài ngâm vần kệ:

*34. Khó tìm được vợ chung tình,  
Nam nhi tốt với vợ mình, khó sao,  
Vương nhi đức hạnh dường nào,  
Với chồng, nàng lại dạt dào tình thương.  
Vậy giờ đây, hỡi quân vương,  
Với Sambu, phải trọn đường thủy chung.*

Sau khi khiển trách vương nhi xong, ngài đứng dậy bỏ ra về ngay. Khi vương phụ đi rồi, vua triệu Sambulà đến và bảo:

- Nay ái hậu, xin hãy tha thứ lỗi lầm của trăm bảy lâu nay. Từ nay về sau trăm giao hết quyền hành cho ái hậu.

Và nhà vua ngâm vần kệ cuối cùng:

*35. Hưởng đầy phúc lộc dồi dào,  
Ái khanh vẫn cứ xanh xao héo mòn,  
Vì lòng nặng trĩu ghen hờn,  
Từ nay trăm với phi tần cung nga,  
Là người dưới trướng Sam-là,  
Sẵn sàng tuân phục lệnh bà phán sai!*

Từ đó nhà vua cùng hoàng hậu sống hạnh phúc bên nhau, thực hành bố thí, và các thiện pháp.

Đến khi từ trần, hai vị đi theo đúng hạnh nghiệp của mình. Còn vị ẩn sĩ khổ hạnh tu tập phát khởi Thiền định, về sau tái sinh vào Phạm thiên giới.

\*

*Bậc Đạo sư chấm dứt Pháp thoại xong lại bảo:*

*- Không chỉ bây giờ mà ngay cả ngày xưa nữa, Mallikà đã là người vợ thủy chung.*

*Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:*

*- Lúc bấy giờ Sambulà là Mallikà, Sotthisena là vua xứ Kosala, vị ẩn sĩ kia chính là Ta.*

-ooOoo-

## **Chuyện thứ hai: Sức mạnh siêu nhiên của sự nguyện cầu chân lý về công đức không sát sanh chân thật**

(Trích từ chuyện số 463. Chuyện Trí Giả Suppàraka (Tiền thân Suppàraka))

***Những người kia mũi nhọn như dao..,***

*Chuyện này bậc Đại Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên, về sự viên mãn của trí tuệ tối thắng.*

*Một ngày nọ, chúng ta nghe kể rằng về buổi tối, các Tỷ-kheo đang đợi đức Như Lai đến thuyết Pháp cho Tăng chúng, và trong lúc ngồi tại chánh pháp đường, các vị nói với nhau:*

- *Này Tỷ-kheo, quả thật bậc Đạo Sư có trí tuệ vĩ đại! Trí tuệ quảng bác! Trí tuệ mẫn tiệp, Trí tuệ linh hoạt! Trí tuệ tinh xảo! Trí tuệ uyên thâm! Trí tuệ Ngài đáp ứng đúng nơi đúng lúc! Trí bao la như thế giới, như đại dương vô tận, như bầu trời trải rộng mênh mông: khắp cả xứ Diêm-phù-đề không một bậc trí nhân nào có thể sánh bằng đáng Thập Lực, như một đợt sóng nổi lên trên đại dương không thể chạm đến bờ được, hoặc nếu chạm vào bờ, sóng kia sẽ vỡ tan. Cũng vậy, không một người nào có thể đạt đến trí tuệ bằng đáng Thập Lực, hoặc nếu kẻ ấy đến chân bậc Đạo Sư thì sẽ vỡ tan.*

*Bằng những lời ấy Tăng chúng tán thán Trí tuệ tối thắng của đáng Thập Lực. Bậc Đạo Sư bước vào, và hỏi:*

*- Này các Tỷ-kheo, các ông đang nói gì trong khi ngồi đây?*

*Tăng chúng thưa với Ngài. Ngài bảo:*

*- Không phải chỉ bây giờ Như Lai mới đầy đủ trí tuệ. Ngày xưa ngay khi trí tuệ chưa viên thành Chánh giác, Ngài cũng đã sáng suốt thông minh. Mặc dù mù lòa, Ngài cũng biết qua các dấu hiệu của đại dương là ở trong đại dương có chôn giấu các loại ngọc này nọ.*

*Sau đó Ngài kể một chuyện quá khứ.*

\*

Một thuở nọ một vị vua mệnh danh Bharu trị vì trong quốc độ Bharu. Có một thị trấn bên hải cảng được đặt tên là Bharukacha hay là Đầm Bharu. Vào thời ấy, Bò-tát sinh ra trong gia đình một thuyền trưởng ở tại đó, ngài rất khả ái, với làn da màu vàng nâu. Cha mẹ đặt tên ngài là Suppàraka-Kumàra.

Ngài lớn lên, xuất sắc khác thường, và ngay khi chỉ mới được mười sáu tuổi, ngài đã hoàn toàn tinh thông nghệ thuật hàng hải. Sau đó khi thân phụ mất, ngài cầm đầu đám thủy thủ và miệt mài với nghề hàng hải, ngài thật thông minh sáng suốt, khi ngài lên tàu rồi thì không hề có chiếc tàu nào đến làm hại được.

Theo thời gian, ngài bị thương vì nước mặn nên đôi mắt ngài mất cả thị giác. Sau sự kiện ấy, dù ngài là thuyền trưởng của đám thủy thủ, ngài không còn đeo đuổi sự nghiệp thương mại nữa, mà quyết định về phục vụ vua, ngài đến yết kiến vua với mục đích ấy, và vua phong cho ngài chức hội thẩm đánh giá các báu vật. Từ đó ngài định giá trị các voi báu, ngọc báu và châu báu.

Một hôm, một con voi được đem trình lên vua, da voi màu đá đen, nên có thể được làm vương tượng. Vua liếc nhìn voi rồi ra lệnh đem nó đi đến trình diện với bậc trí giả. Quân hầu liền dẫn con vật đến gặp ngài. Ngài sờ tay lên khắp mình voi và bảo:

- Con voi này không xứng đáng làm quốc tượng. Nó có đặc tính của một con vật bị dị tật ở phía sau. Khi voi mẹ sinh ra nó, đã không đủ sức mang nó lên vai, nên để nó ngồi xuống đất, vì vậy nó bị tật nguyên ở chân sau.

Họ chất vấn những người đem voi đến, và bọn ấy trả lời rằng bậc trí giả đã nói đúng sự thật. Khi vua nghe nói chuyện kia, lòng rất hoan hỷ và ra lệnh ban cho bậc trí giả tám đồng tiền vàng.

Một ngày khác, người ta đem một con ngựa dâng lên để làm vương mã. Con vật này cũng được dẫn đến bậc trí giả. Ngài lấy tay sờ khắp mình ngựa rồi nói:

- Con vật này không thích hợp để làm vương mã cho đức vua ngự. Vào ngày nó sinh ra, ngựa mẹ chết đi, nên do thiếu sữa mẹ, nó không lớn lên đầy đủ.

Lời nói này của ngài cũng đúng sự thật nữa. Khi nghe được chuyện ấy, vua rất đẹp ý, phán bảo đem tặng ngài tám đồng tiền nữa.

Vào một ngày khác, một chiếc xe được đem đến để làm vương xa. Vua cũng đưa xe này đến ngài. Ngài lấy tay sờ khắp xe và bảo:

- Chiếc xe này được làm bằng gỗ rỗng, nên không thích hợp với đức vua.

Lời nói này của ngài cũng đúng như các lời khác. Vua lại một phen hài lòng khi nghe chuyện này, nên ban thêm cho ngài tám đồng nữa. Một lần nữa có người đem dâng vua một tấm thảm quý có giá trị lớn, vua liền đưa nó đến ngài như lần trước. Ngài sờ khắp tấm thảm, rồi bảo:

- Ở đây có một chỗ mà con chuột đã cắn một lỗ.

Họ xem kỹ và thấy chỗ đó, liền tâu với vua. Vua đẹp ý lại bảo cho ngài tám đồng tiền nữa.

Lúc bấy giờ bậc trí giả mới suy nghĩ: "Chỉ được có tám đồng vàng để xem những việc kỳ diệu như thế đấy. Đây là món tiền tặng cho thợ hớt tóc, chắc hẳn vua này là cậu bé thường hớt tóc! Tại sao ta phải phụng sự một vị vua như thế chứ? Ta sẽ trở về nhà riêng của mình". Thế là ngài trở về hải cảng Bharukaccha và sống tại đó.



Lúc ấy có vài thương nhân chuẩn bị một chiếc thuyền và đang đi tìm một thuyền trưởng. Họ suy nghĩ: "Ngài Suppàraka thông minh kia là một bậc trí giả tài ba, có ngài trên tàu thì không còn tàu nào đến hại nữa. Dù ngài mù lòa, bậc trí giả Suppàraka vẫn là người tuyệt hảo". Vì thế họ đi đến ngài và mời ngài làm thuyền trưởng.

- Này các hiền hữu - ngài đáp - ta mù rồi, làm sao lái thuyền các bạn được?

- Thưa Tôn giả, quả ngài mù thật đấy - các thương nhân bảo - song ngài là người tài giỏi nhất.

Vì họ cứ năn nỉ ngài mãi không ngớt nên cuối cùng ngài chấp thuận.

- Như các bạn đã nói với ta - ngài bảo - thì ta sẽ làm thuyền trưởng của các bạn.

Sau đó, ngài bước lên chiếc thuyền của họ.

Họ lái thuyền ra giữa đại dương. Suốt bảy ngày liền, thuyền đi không gặp rủi ro nào, rồi một ngọn gió trái mùa nổi lên. Thuyền trôi dạt bốn tháng trên vùng đại dương hoang dã, cho đến lúc vào được một nơi gọi là Biển Khuramàla (Bãi Dao nhọn hoắc). Tại đây loài cá có thân như người với mõm nhọn hoắc như lưỡi dao, nhào lộn dưới nước. Các thương nhân quan sát loài cá này, vừa hỏi bậc Đại Sĩ biển này tên gì, vừa ngâm vãn kệ đầu:

*1. Đám người kia mũi nhọn như dao,  
Vừa nhảy lên cao, lại lộn nhào,  
Hãy nói, Sup-pà, cho chúng bạn,  
Biển này được biết với tên nào?*

Bậc Đại sĩ nghe câu nói này, liền ôn lại trong trí các kiến thức thủy thủ của ngài, rồi đáp qua vãn kệ thứ hai:

*2. Này các thương nhân cảng Bhar-ka,  
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,  
Đây là biển cá Khu-ra đó,  
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Lúc bấy giờ đại dương này có nhiều kim cương. Bậc Đại sĩ suy nghĩ rằng nếu ngài bảo chúng bạn đây là biển kim cương, họ sẽ làm chìm tàu do lòng tham hốt nhiều kim cương. Vì thế, ngài không nói gì cả, song sau khi đưa thuyền đến, ngài lấy một sợi dây thừng và thả lưới xuống như thể bắt cá. Với dây này, ngài đã hốt được một

mớ kim cương và dầu trong thuyền, rồi ngài lựa những thứ ít giá trị quăng xuống biển.

Chiếc thuyền đi qua vùng biển này, đến một biển khác tên là Aggimàla (Vùng Lửa cháy). Biển này tỏa ra ánh sáng như thể một ngọn lửa đang bùng cháy, như mặt trời đúng Ngọ. Các thương nhân hỏi han ngài qua vần kệ:

*3. Kìa đại dương như ngọn lửa hồng,  
Như vàng nhật chiếu, bạn cùng trông,  
Sup-pa, xin nói cho bè bạn,  
Tên gọi là gì chốn đại dương?*

Bậc Đại sĩ đáp lại họ qua vần kệ tiếp theo:

*4. Đây các thương nhân ở Bhar-ka,  
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,  
Đây là biển cả Ag-gi đó,  
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Bấy giờ biển này chứa đầy vàng, cũng như trước, ngài lấy lên một mớ vàng và cất lên thuyền. Qua khỏi biển này con thuyền đi đến một biển cả tên là Dadhimàla (Vũng Sữa đông), óng ánh như sữa tươi hay sữa đông. Các thương nhân lại hỏi tên của biển qua vần kệ:

*5. Kìa biển trắng phau giống sữa tươi,  
Trắng như nhìn vũng sữa đông rồi,  
Sup-pà, xin nói cùng bè bạn,  
Tên gọi là gì của biển khơi?*

Bậc Đại sĩ đáp lại chúng bằng câu kệ tiếp theo:

*6. Đây các thương nhân ở Bhar-ka,  
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,  
Đây là biển cả Da-dhi đó,  
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Trong biển này có rất nhiều bạc. Ngài lấy bạc theo cách như trước, rồi cất lên tàu. Chiếc thuyền đi qua biển này và đến một đại dương tên là Nilavannakusamàla (Thảm cỏ Kusa), có hình dáng một thảm cỏ kusa đen nhánh (cỏ cát tường) hay một cánh đồng lúa. Các thương nhân lại hỏi tên biển qua vần kệ:

*7. Kìa, biển xanh như cỏ cát tường,  
Tưởng như nhìn đám lúa nàng hương,  
Sup-pà, hãy nói cho bè bạn,  
Tên gọi là gì của đại dương?*

Ngài đáp lời qua vắn kệ tiếp theo:

*8. Nay các thương nhân xứ Bhar-ka,  
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,  
Đại dương đây chính Ku-sa đó,  
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Bấy giờ trong biển này có rất nhiều ngọc bích quý. Cũng như trước, ngài lấy một mớ ngọc và cất trên thuyền. Qua khỏi biển này, con thuyền đi đến một biển tên gọi là Nalamàla (Bãi Lau sậy), có hình dáng một bãi lau sậy hay một rừng tre. Các thương nhân hỏi tên biển qua vắn kệ:

*9. Kìa đại dương như một khóm lau,  
Khác nào ta thấy rừng tre đâu,  
Sup-pà, hãy nói cho bè bạn,  
Biển cả này tên gọi thế nào?*

Bậc Đại sĩ đáp lại qua vắn kệ sau:

*10. Nay các thương nhân xứ Bhar-ka,  
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,  
Biển này tên gọi Na-la đó,  
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Bấy giờ biển này đầy san hô với màu khóm tre, ngài lại hốt một mớ đá quý này và cất lên tàu.

Sau khi đi qua biển Nalamàla, các thương nhân đến một biển có tên là Valabhàmukha (Lòng chảo). Ở đây nước rút đi và dâng lên một phía, và như vậy nước rút đi ở mọi phía và dâng lên trên các vách đá thẳng đứng để lại một vùng như thể cái hố sâu. Một đợt sóng dâng tràn lên một phía, khác nào một bức tường: tai lại nghe một tiếng gầm thét khủng khiếp, tưởng chừng làm thủng màng tai hoặc vỡ cả tim ra. Khi thấy cảnh này, các thương nhân kinh hoảng và hỏi tên biển qua vắn kệ:

*11. Này nghe tiếng thét thật kinh hoàng,  
Từ biển cả kia thật dị thường!  
Hố thẳm, hãy nhìn nhiều đợt sóng  
Dâng lên dốc đứng tựa sườn non,  
Sup-pà, hãy nói cho bè bạn,  
Đây gọi tên gì của đại dương?*

Bồ-tát đáp lại qua vãn kệ:

*12. Này các thương nhân xứ Bhar-ka,  
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,  
Va-la-bhà đại dương này đó,  
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Ngài nói tiếp:

- Này các hiền hữu, một khi thuyền vào trong biển Valabhàmukkhī này thì không thể nào trở về được. Nếu thuyền này vào đó, nó sẽ chìm và tan nát.

Bây giờ có cả bảy trăm mạng người trên thuyền này, họ đều sợ chết; nên họ đồng thanh thốt lên một tiếng kêu vô cùng thảm thiết, chẳng khác nào tiếng kêu la của những kẻ đang bị đốt cháy trong chôn địa ngục tận cùng (Vô gián Địa ngục). Bậc Đại sĩ nghĩ thầm: "Trừ ta ra, không ai có thể cứu mạng họ được. Ta quyết cứu họ bằng một lời thề chân lý". Rồi ngài nói lớn:

- Này các hiền hữu, hãy mau mau tắm cho ta bằng nước hương thơm, mặc y phục mới cho ta, dọn ra một chén nước đầy và đưa ta đứng trước con thuyền.

Cả bọn vội làm như vậy. Bậc Đại sĩ cầm chén nước đầy bằng cả hai tay, và đứng trước mũi thuyền, thực hiện một lời nguyện cầu chân lý trong khi ngâm vãn kệ cuối cùng:

*13. Từ khi ta nhớ rõ về thân,  
Trí tuệ đầu tiên phát khởi dần,  
Không một người nào ta sát hại,  
Là điều ta đã biết tinh tường,  
Nếu lời cầu nguyện này chân chánh,  
Mong ước thuyền về chốn vạn an.*

Bốn tháng qua con thuyền đã du hành trong những vùng biển xa xôi nay dường như được ban cho thần lực siêu phàm, nên chỉ trong một ngày nó trở lại hải cảng

Bharukaccha, vào tận trên đất liền cho đến khi dừng lại trước cửa nhà của vị thuyền trưởng kia, sau khi nhảy vọt qua một khoảng chừng một ngàn một trăm cubit (1 cubit = 45cm). Bậc Đại sĩ phân phát cho đám thương nhân tất cả vàng bạc trân châu, san hô, kim cương và bảo:

- Số châu báu này là đủ cho các bạn rồi, vậy đừng du hành đường biển nữa.

Sau đó ngài thuyết Pháp cho họ và đến khi đã làm xong các việc bố thí và các thiện sự suốt đời, ngài đi lên cộng trú với hội chúng ở Thiên giới.

\*

*Sau khi chấm dứt Pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:*

- *Này các Tỷ-kheo, ngày xưa Như Lai cũng rất thông thái như bây giờ vậy.*

*Rồi Ngài nhận diện tiền thân:*

- *Thời bấy giờ hội chúng của đức Phật là hội chúng thương nhân và Ta chính là Trí giả Suppāraka.*

\*\*\*

### **Chuyện thứ ba: Lời nguyện cầu chân thật của người thân trong hoàng tộc mong cho thái tử thoát nạn bị quỷ nhân ăn thịt**

(Trích từ chuyện số 513. Chuyện vương tử chiến thắng (Tiền thân Jayaddisa)

***Kìa, đã nhịn ăn bảy buổi sáng...,***

*Câu chuyện này bậc Đạo Sư kể về một Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ mình.*

*Phần mở đầu cũng giống như chuyện kể trong số 540 Tiền thân Sàma. Nhưng vào dịp này, bậc Đạo Sư bảo:*

- *Các hiền nhân ngày xưa từ bỏ chiếc lọng trắng có các vòng kim hoa để phụng dưỡng song thân.*

*Nói xong, Ngài liền kể câu chuyện quá khứ.*

\*

Ngày xưa có một vị vua ở kinh thành phía Bắc Pāncāla, trong quốc độ Kampila, mệnh danh là Pāncāla. Hoàng hậu của ngài có thai, sinh được một hoàng nam. Trong suốt tiền kiếp xưa, bà có một tình địch trong hậu cung đang cơn nóng giận đã thề:

- Một ngày kia ta sẽ ăn thịt con bà.

Và để lời nguyên kia có công hiệu, nàng biến thành một con quỷ cái. Sau đó, ác quỷ tìm cơ hội chụp lấy hài nhi ngay trước mặt hoàng hậu, nhai ngấu nghiến như miếng thịt tươi rồi biến đi. Lần thứ hai cũng làm y hệt như thế, nhưng đến lần thứ ba, khi hoàng hậu đã vào phòng sinh, đám vệ binh liền canh gác quanh hoàng cung rất chặt chẽ.

Vào ngày bà sinh con, quỷ cái lại xuất hiện và chụp lấy hài nhi. Hoàng hậu thét lên:

- Quỷ cái!

Lập tức binh lính cầm khí giới chạy đuổi theo con quỷ cái khi nghe báo động. Vì không kịp ăn thịt hài nhi, quỷ cái chạy trốn, ẩn mình dưới cổng. Hài nhi nhận quỷ cái ấy làm mẹ, ngậm vú đòi bú, và quỷ cái kia bỗng sinh lòng thương hài nhi như mẹ thương con, liền đi đến nghĩa địa dấu hài nhi trong hang đá và chăm sóc kỹ lưỡng.

Hài nhi lớn dần, quỷ cái đem thịt người về cho nó ăn, và cả hai đều sống bằng thức ăn này. Đứa trẻ không biết mình là người, song dù tưởng mình là con của quỷ, cậu bé cũng không thể biến hóa khỏi hình người hay dấu mình được. Để thực hiện việc này, con quỷ đưa cho cậu bé cắt một loại rễ cây - Nhờ công lực của thứ rễ này, cậu biến hình được và tiếp tục sống bằng thịt người. Lúc bấy giờ quỷ cái có việc đi xa để châu đại lực quỷ vương Vessavana (Tỳ-sa-môn) rồi chết luôn tại đó. Còn phần hoàng hậu, lần thứ tư sinh được một hoàng nam bình yên vì quỷ cái đã chết, và do sự kiện hoàng nam sinh ra chiến thắng kẻ thù là quỷ cái kia, nên được đặt tên Jayaddisa (Hoàng tử Chiến Thắng)

Khi hoàng tử khôn lớn, học hành tinh thông mọi mặt, chàng lên nắm quyền theo nghi lễ giương chiếc lọng trắng và trị vì quốc độ. Vào thời ấy, hoàng hậu của vua sinh hạ Bồ-tát được đặt tên là Alinasattu. Khi hoàng tử lớn khôn tinh thông mọi môn học thuật, liền được phong làm phó vương. Còn cậu bé làm con của quỷ cái vì

bắt cần làm hư hỏng rễ cây kia nên không thể dẫu mình được nữa, phải sống trong nghĩa địa ăn thịt người nhưng vẫn xuất lộ nguyên hình.

Dân chúng thấy vậy sợ hãi, đến kêu than với nhà vua:

- Tâu Đại vương, một con quỷ có hình dạng rõ ràng đang ăn thịt người trên nghĩa địa. Dần dần nó sẽ tìm đường vào kinh thành ăn thịt dân. Xin Đại vương ra lệnh bắt nó đi.

Nhà vua chấp thuận ngay và ra lệnh bắt quỷ nọ. Một đạo binh cầm khí giới đứng quanh thành. Con quỷ ấy trần truồng nom thật khủng khiếp, nhưng lại sợ chết nên hét to và nhảy vào giữa ba quân. Quân sĩ la lên:

- Quỷ đây rồi!

Và họ cũng lo sợ cho mạng sống của họ, nên tan rã thành hai nhóm và bỏ chạy. Con quỷ thoát được và chạy ẩn mình trong rừng, từ đó không dám lai vãng chỗ có người ở.

Nó sống dưới gốc cây đa gần con đường lớn xuyên qua rừng, khi dân chúng qua lại đường đó, nó bắt lấy từng người một đem vào rừng giết ăn thịt. Lúc bấy giờ có một Bà-la-môn dẫn đầu đám, bộ hành, đưa một ngàn đồng tiền cho đám kiểm lâm rồi đi ngang qua đường ấy với năm trăm cỗ xe. Con quỷ có hình người liền rống lên nhảy vào đám người ấy. Họ hốt hoảng chạy trốn ngã lăn lóc dưới đất. Quỷ chụp lấy gã Bà-la-môn nhưng vì bị mảnh gỗ gây thương tích trong lúc đang chạy trốn, lại bị đám kiểm lâm đuổi theo rất gắt, nên nó thả gã Bà-la-môn và đi đến nằm dưới gốc cây thường trú ẩn.

Đến ngày thứ bảy, vua Jayaddisa truyền lệnh đi săn và khởi hành từ kinh thành. Ngay lúc nhà vua lên đường, một người dân vùng Takkasilà, là một Bà-la-môn tên gọi Nanda, đang phụng dưỡng cha mẹ, đến yết kiến đức vua, mang theo bốn bài kệ, mỗi bài trị giá bốn trăm đồng tiền.

Nhà vua dừng lại để nghe kệ, và ra lệnh làm chỗ nghỉ ngơi cho ngài. Trong lúc đi săn người bảo:

- Người nào để con hươu chạy thoát từ phía mình thì phải trả tiền cho vị Bà-la-môn về các bài kệ ấy.

Sau đó một con hươu sao xuất hiện, chạy thẳng về phía nhà vua để thoát thân. Các cận thần cười rộ lên. Nhà vua chụp lấy kiếm, đuổi theo con hươu chừng ba dặm bắt được nó, liền lấy kiếm xẻ đôi và gánh lên đòn.

Lúc trở về, ngài đi đến chỗ quý nhân đang ngồi, nghỉ ngơi một lát trên bãi cỏ kusa rồi định tiếp tục đi, lúc đó quý nhân xuất hiện thốt lên:

- Dừng lại, người định đi đâu, người là mối ngon của ta!

Rồi chụp lấy tay ngài, quý ngâm vần kệ:

*1. Kìa! Bầy ngày qua chịu đói lòng  
Mối ngon bỗng xuất hiện sau cùng  
Phải chẳng danh tiếng người lừng lẫy?  
Ta muốn biết tên họ, giống dòng*

Nhà vua kinh hoàng khi thấy quý nhân, nên đứng sững như trời trồng, không thể chạy trốn được, song rồi tỉnh trí dần, ngài đáp vần kệ thứ hai:

*2. Nếu người biết Chiến Thắng là vua  
Của xứ Pân-ca, quốc độ ta!  
Săn bắn trong rừng ta lạc bước,  
Xin đừng hươu nọ thả ta ra.*

Con quý nghe vậy liền ngâm vần kệ thứ ba:

*3. Muốn cứu mạng, ngài đã hiến dâng  
Mối kia ngon thật đấy Quân vương  
Ta xoi ngài trước và không bỏ  
Thú nếm thịt hươu: chớ nói quàng!*

Khi nhà vua nghe vậy liền nhớ đến Bà-la-môn Nanda, và ngâm vần kệ thứ tư

*4. Vì ta chẳng thuộc mạng an toàn  
Được thả như ta khẩn thiết van  
Thì hãy cho ta tròn hứa cũ  
Ta đã giao ước Bà-la-môn  
Sáng mai cứu được lời danh dự  
Rồi sẽ trở về với quý nhân*

Quý nhân nghe vậy , lại ngâm vần kệ thứ năm



*5. Đến gần chỗ chết chẳng an lòng  
Lo lắng việc gì hồi Đại vương  
Nói thật cho ta rồi có thể  
Ta bằng lòng thả một ngày ròng*

Nhà vua ngâm vãn kệ thứ sáu để giải thích sự việc ấy

*6. Ta hứa lời cùng một đạo nhân  
Nợ kia chưa trả, hứa cho xong  
Mong tròn nguyện ước, thanh danh cử  
Ta sẽ gặp ngài buổi rạng đông*

Nghe vậy, quý nhân đáp vãn kệ thứ bảy:

*7. Ngài đã hứa cùng một đạo nhân  
Nợ kia chưa trả, hứa chưa xong  
Mong tròn nguyện ước thanh danh cứu  
Rồi trở về đây buổi rạng đông*

Nói xong con quý để cho vua đi, Vua được tha về liền bảo:

- Xin đừng bận tâm vì ta, sáng sớm mai ta sẽ trở lại.

Rồi ghi nhận một số dấu đường xong, ngài trở lại với đám binh sĩ và chúng hộ tống ngài về thành. Sau đó ngài triệu vị Bà-la-môn vào, ngài ban tặng bốn ngàn đồng tiền. Rồi ngài lại truyền đưa vị Bà-la-môn lên ngồi một cỗ xe, ra lệnh cho đám tùy tùng rước vị này thẳng đến Takkasila. Ngày hôm sau, nôn nóng đến gặp quý nhân, ngài gọi hoàng thái tử đến dặn dò.

\*

Bậc Đạo Sư ngâm hai vãn kệ giải thích việc này:

*8. Thoát ác quỷ kia, lại trở về  
Nhà yêu, mộng nước đẹp tràn trề  
Với La-môn bạn, không sai hứa  
Song dặn A-lin quý tử kia*

*9. Vương nhi nay nhận chức Quân vương  
Cai trị bạn thù thật chính chân*

*Đừng để bắt công làm hại nước  
Cha đành nộp mạng chốn hung thần*

Thái tử nghe vậy liền ngâm vãn kệ thứ mười:

*10. Hoàng nhi mong biết rõ nguyên nhân  
Khiến trẻ mất ân lộc phụ hoàng  
Cha phải đưa con lên kế vị  
Thiếu cha, con chẳng thiết ngai vàng*

Nhà vua nghe vậy, ngâm vãn kệ tiếp theo:

*11. Nay con, cha chẳng thể tìm ra  
Một ác ngôn hay một nghiệp tà  
Song nợ thanh danh, giờ trả trọn  
Còn lời nguyên giữ với yêu ma.*

Thái tử nghe thế liền ngâm vãn kệ:

*12. Cha ở lại, đây con sẽ đi  
Trở về an ổn, có gì mong  
Nếu cha đi nữa, con theo gót  
Phụ tử cùng nhau chẳng sống chi!*

Nghe lời này, nhà vua đáp kệ:

*13. Vương tử, con theo đúng đạo trời  
Song cha mất hết thú yêu đời  
Nếu yêu tinh nọ dùng tiên gỏi  
Nướng thịt con ăn trọn cả đời*

Nghe vậy thái tử lại ngâm vãn kệ nữa:

*14. Nếu cha thoát được vượt yêu tinh  
Vì phụ vương, con nguyện bỏ mình  
Hơn nữa con tràn trề hỷ lạc  
Được đem đời hiến sinh thành*

Nghe vậy vua nhận thấy đức hiếu thảo của con, liền nhận lời cầu mong của con và bảo:

- Tốt lành thay, vương nhi, hãy ra đi.

Thế là thái tử giả từ song thân và rời kinh thành.

\*

Bạc Đạo Sư làm sáng tỏ việc này qua nửa vắn kệ:

*15. Thái tử anh hùng, xin vĩnh biệt  
Cúi đầu ngài đánh lễ song thân.*

Lúc ấy, song thân ngài, em gái ngài, vương phi cùng triều thần tiễn ngài đi ra khỏi kinh thành; ngài hỏi vua cha lỗi đi và sau khi xếp mọi việc cẩn thận cùng dặn dò khuyên nhủ các người thân, ngài lên đường tiến về hang quý, oai hùng như con sư tử có bờm. Mẹ ngài thấy ngài ra đi, không thể kèm chế được, liền ngất lịm. Vua cha gơ hai tay khóc lớn.

\*

Bạc Đạo Sư làm sáng tỏ việc này qua nửa vắn kệ:

*16. Phụ vương khóc lớn, gơ tay cản,  
Hiền mẫu buồn thương, ngã lịm dần*

Như vậy, muốn nêu rõ lời nguyện cầu của vua cha và lời Thề Chân thực của mẹ ngài, em ngài, cùng vương phi, bậc Đạo Sư lại ngâm thêm bốn vắn kệ:

*17. Khi hình thái tử khuất mờ dần  
Trước mắt thăm sâu của phụ thân  
Cầu nguyện chư thần, tay chấp khấn  
Va-rù-na với So-ma vương  
Phạm thiên, nhật nguyệt, chư thần nữa,  
Bảo vệ hoàng nhi được vạn an  
Nhờ các thần linh này, thái tử  
Mong con thoát ác quỷ kinh hoàng*

Mẫu hậu:

*18. Như mẹ Ra-ma đẹp dáng người  
Cứu con nàng đã bắt tắm hơi  
Khi vào rừng rậm Dam-da ấy*

*Con trẻ ta mong giải thoát thôi  
Nhờ khẩn lời chân thành, ước nguyện  
Chư thần cho trở lại an vui*

Vương muội:

*19. Hoàng huynh chẳng có lỗi làm gì  
Dù lộ rõ ràng hoặc giấu che  
Chứng thực lời này, con nguyện ước  
Chư thần mang thái tử quay về*

Vương phi:

*20 Với thiếp, chàng không phạm lỗi làm  
Lòng đầy yêu dấu, hơi lang quân  
Chứng thực lời này xin ước nguyện  
Thần thánh cho chàng trọn tâm thân*

\*

Về phần thái tử, ra đi theo lời hướng dẫn của vua cha , lên đường đến nơi quỷ nhân ở. Song quỷ nhân nghĩ thầm: "Các vua Sát-đế-ly nhiều mưu mẹo lắm, ai biết được việc gì sẽ xảy ra?" Rồi nó trèo lên cây đợi nhà vua đến.

Khi thấy thái tử, nó nghĩ "Người con đã ngăn cản vua cha và tự dẫn thân đến. Không có gì phải sợ người ấy cả."

Và quỷ trèo xuống ngồi quay lưng về phía thái tử. Khi đến nơi thái tử đứng trước quỷ nhân, vừa lúc quỷ nhân này ngâm vãn kệ:

*21. Chàng từ đâu đến, hỡi hoàng nam  
Có biết rừng này của quỷ chẳng?  
Ai đến thật xem thường tính mạng  
Nơi loài quỷ dữ chiếm làm hang*

Nghe vậy, thái tử bèn đáp kệ:

*22. Ta biết rõ ngươi, quỷ bạo tàn  
Chốn này ngươi ở giữa rừng hoang  
Ta là đích tử Ja-ya đế,  
Ăn thịt rồi , thả phụ vương*

Quý nhân lại ngâm vãn kệ:

*23. Ta biết con trai chúa Ja-ya  
Dáng chàng để lộ việc kia mà  
Thật là gian khổ cho chàng quá  
Phải chết vì thay mạng của cha*

Thái tử liền đáp kệ nữa:

*24. Nghĩ rằng chẳng phải việc anh hùng  
Được chết vì ân phước phụ thân  
Và mẹ quý yêu khi bỏ mạng  
Đời đời hưởng cực lạc thiên cung*

Nghe vậy, quý liền nói

- Nay thái tử, không có kẻ nào không sợ chết. Thế tại sao chàng lại không sợ?

Ngài liền nói lý do cho quý nghe qua hai vãn kệ:

*25. Nhớ ta không phạm lỗi làm gì  
Dù lộ ra ngoài hoặc giấu che  
Sinh tử ta đều cân nhắc kỹ  
Dù đây, hay các cõi sau về*

*26. Ăn thịt ta đây, hỡi quý nhân  
Phải làm công việc ấy cho xong  
Ta buông mình xuống trên cao chết  
Người cứ ăn ta, thỏa nguyện lòng*

Quý kia nghe vậy kinh hoảng liền bảo:

- Ta không thể ăn thịt người này được.

Rồi nghĩ mưu kế cho ngài chạy trốn, quý liền bảo:

*17. Nếu chàng tự nguyện muốn liều thân  
Thái tử, đem đời cứu phụ vương  
Ta bảo chàng rời ngay bước vội  
Tìm gom củi đốt lửa than hùng*

\*

Bạc Đạo Sư ngâm một vần kệ nữa làm sáng tỏ vấn đề này:

*27. Hoàng nam anh dừng nhật cây rừng  
Và chất cao lên một cái giàn  
Và thét vừa châm: "Bày tiệc sẵn!  
Hãy xem, ta nhóm lửa cho hừng!"*

\*

Khi thấy thái tử trở về và nhóm lửa, quỷ nhân nói:

- Người này thật gan dạ không sợ chết. Xưa nay ta chưa từng thấy ai can đảm như vậy.

Nó ngồi sừng sờ, thỉnh thoảng lại nhìn thái tử. Ngài thấy thái độ quỷ nhân như thế, liền ngâm vần kệ:

*28. Đứng nhìn ta , dáng sừng sờ  
Ta cầu ngươi giết bắt ăn ta  
Khi đang còn sống ta trù tính  
Muốn để ngươi ăn thịt đúng giờ*

Quỷ nhân nghe vậy, liền ngâm kệ:

*29. Một hiền nhân, chánh trực, công bằng  
Chắc chẳng bao giờ phải bị ăn  
Hoặc kẻ nào ăn người, ắt hẳn  
Đầu kia tan nát bảy phần chẳng*

Thái tử nghe vậy hỏi:

- Nếu ngươi không muốn ăn ta, tại sao ngươi bảo ta bỏ cảnh về nhóm lửa?

Quỷ nhân nói:

- Ta muốn thử chàng đó thôi, vì ta chắc chàng sẽ bỏ chạy trốn.

Thái tử đáp:

- Bây giờ làm sao người thử ta được, bởi vì lúc còn là súc sinh, ta đã để cho Thiên chủ thử đức hạnh của ta rồi.

Cùng với lời này ngài ngâm vần kệ:

*30. Để Thiên giả dạng một La-môn  
Thở lấy thịt mình để cúng dâng  
Từ đó mặt trăng in dáng thỏ  
Ta chào nguyệt diện: "Dạ xoa thân!"*

Quý nhân nghe vậy thả cho thái tử đi về và bảo:

*31. Như trăng thoát vượt La thân  
Chiếu giữa đêm rằm tỏa ánh quang  
Ngài, chúa Kam-pi anh dũng đã  
Thoát tay quỷ dữ, sáng huy hoàng  
Bạn đang sâu, bỗng tung hô dậy  
Trước mặt ngài xuất hiện vẻ vang  
Phụ mẫu thân yêu, ngài cống hiến  
Bao niềm hạnh phúc ngập hân hoan*

Rồi nó nói thêm:

- Hồi đảng anh hùng, hãy đi đi!

Và nó để Bạc Đại Sĩ lên đường. Sau khi đã hàng phục quỷ nhân xong, ngài còn dạy nó ngũ giới và muốn thử xem nó phải quỷ không, ngài nghĩ thầm: "Mắt bọn quỷ thường đỏ và không chớp. Chúng không đổ bóng xuống đường và không hề biết sợ gì cả. Còn đây không phải quỷ. Đây là người. Nghe nói cha ta có ba vương huynh bị quỷ dữ tha đi, hai người ắt hẳn đã bị ăn thịt rồi, còn một người được quỷ cái thương yêu với tình mẹ con. Chắc là đây thôi. Ta phải đem vị này về tâu với vua cha để đưa lên ngôi báu mới được.

Nghĩ vậy ngài kêu lên:

- Này Tôn ông, Tôn ông chẳng phải là quỷ đâu, mà là bào huynh của cha ta. Xin mời Tôn ông đi về cùng ta giương chiếc lọng trắng biểu hiện vương quyền trong giang sơn của tổ tiên mình.

Khi quỷ nhân đáp:

- Ta không phải là người.

Thái tử nói:

- Tôn ông chẳng tin ta ư? Vậy kẻ nào cho Tôn ông tin được?

Quý đáp:

- Có chứ, có một nơi nọ có một ẩn sĩ đã thành tự thiên nhân thông.

Thế là ngài dẫn quý đến nơi ấy. Vừa trông thấy hai người xuất hiện, vị ẩn sĩ hỏi ngay:

- Hai vị có cùng dòng họ tổ tiên, cần gì mà đến đây?

Nói xong vị ẩn sĩ lại nói rõ về liên hệ dòng họ giữa hai người. Con quý ăn thịt người liền tin ngay và bảo:

- Nay hiền hữu cứ về triều đi, phần ta, ta sinh ra với hai bản chất trong một hình hài. Ta không muốn làm vua. Ta sẽ đi tu làm ẩn sĩ.

Thế là quý thọ giới tu hành với vị ẩn sĩ ấy.

Sau đó thái tử đánh lễ hai vị và trở về triều.

\*

Bậc Đạo Sư ngâm vần kệ làm sáng tỏ thêm vấn đề này:

*32. A-lin thái tử anh hùng  
Nghiêng mình kính lễ quý nhân hung tàn  
Thêm lần thoát nạn lên đàng  
Về Kam-pi xít, an toàn tắm thân.*

Khi thái tử về thành, bậc Đạo Sư giải thích cho dân trong thành cùng toàn thể hội chúng nghe những chuyện thái tử đã làm và ngâm vần kệ cuối cùng:

*33. Từ thành thị đến thôn trang  
Nhân dân lũ lượt lên đàng chen chân  
Kìa! Đồng nô nức hô vang  
Uy danh thái tử can tràng hùng anh*



*Tượng, xa ngát nghều đấng trìn  
Đến ngài đánh lễ, cung nghênh khải hoàn*

Vua nghe thái tử đã trở về liền đi ra ngoài đón ngài. Thái tử được đám đông hộ tống bước đến đánh lễ vua cha. Vua cha hỏi:

- Nay vương nhi, làm thế nào con thoát được ác quỷ kia?

Ngài đáp:

- Tâu phụ vương, vị đó chẳng phải quỷ đâu. Chính là bào huynh của phụ vương, là bá phụ của con đây.

Ngài liền kể mọi chuyện cho vua cha nghe và nói:

- Vương phụ nên đi thăm bá phụ ngay.

Vua lập tức ban lệnh khua trống lên rồi cùng đoàn tùy tùng lên đường đi thăm hai vị ân sĩ, vị ân sĩ trưởng kể lại đầy đủ chi tiết câu chuyện: hài nhi bị quỷ bắt đi ra sao. Thay vì ăn thịt, quỷ cái đem hài nhi về nuôi thành quỷ nhân. Vua và quỷ liên hệ máu huyết như thế nào. Vua liền bảo:

- Nay hoàng huynh, hãy về làm vua trị nước.

- Xin cảm tạ Đại vương. Không được đâu.

Vua lại nói:

- Thế thì hoàng huynh đến ở trong vườn thượng uyển, ta sẽ cung cấp đủ bốn thứ vật dụng.

Nhà ân sĩ lại từ chối.

Sau đó vua cho lập ngôi làng trên một ngọn núi, không xa nơi ẩn cư kia, xây hồ, trồng trọt, đất đai và đem một ngàn gia đình cùng nhiều của cải đến lập một ngôi làng lớn cùng ban bố thí cúng dường cho hai vị ân sĩ. Ngôi làng lớn dần thành thị trấn Cullakammāsadamma. Vùng có quỷ nhân được bậc Đại sĩ Sutasoma điều phục mệnh danh là thị trấn Mahākammāsadamma.

\*

*Bậc Đạo sư chấm dứt Pháp thoại xong liền tuyên thuyết các Thánh đế, và nhận diện Tiền thân: - Vào lúc kết thúc các Thánh đế, vị Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ mình đã đắc quả Dự Lưu-*

*- Thời ấy, phụ vương và mẫu hậu là hai thân trong hoàng tộc ngày nay, ản sĩ là Sàriputta (Xá-lợi-phất), quý nhân là Angulimàla; vương muội là Uppalavannà (Liên Hoa Sắc), hoàng hậu là mẹ của La-hầu-la và thái tử Alinasattu chính là Ta.*

\*\*\*

## **Chuyện thứ tư: Sức mạnh bất khả tư nghị về sự nguyện cầu chân thật về công hạnh giữ giới không sát sanh của con cá đầu đàn: cứu cả đàn cá thoát cảnh bị bầy quạ ăn thịt**

(Trích từ chuyện số 75. Chuyện Con Cá (Tiền thân Maccha)

**Nỗi sám, Paj-ju-na...,**

*Câu chuyện này khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo Sư đã kể về cơn mưa do chính Ngài làm. Một thời, theo truyền thuyết, tại nước Kosala, trời không mưa, mùa màng khô héo, chỗ này chỗ kia, ao hồ, bể nước đều khô cạn. Ngay cả hồ Kỳ Viên cũng khô cạn nước. Các loài cá, rùa đi vào đám bùn, nằm mắc cạn. Rồi quạ, điều hâu... đến, vói mỏ như lưỡi giáo, mổ chúng, kéo chúng ra và ăn chúng đang còn vùng vẫy. Bậc Đạo Sư thấy cá rùa mắc nạn ấy, vói từ tâm, ngài xúc động suy nghĩ:*

*- Hôm nay, ta phải làm mưa.*

*Khi đêm đã qua, tắm rửa thân thể xong, xét đã đến giờ khát thực, vói đại chúng Tỷ-kheo vây quanh, vói uy nghi của một đức Phật, Ngài đi vào thành Xá-vệ để khát thực. Sau bữa ăn, trên con đường đi khát thực từ Xá-vệ trở về, Ngài đi đến tinh xá đứng trên tầng cấp của hồ Kỳ Viên, bảo Trưởng lão Ananda:*

*- Này Ananda, hãy đem áo tắm đến đây. Ta sẽ tắm trong hồ Kỳ Viên!*

*- Nhưng bạch Thế Tôn, hồ Kỳ Viên đã cạn nước. Chỉ có bùn còn lại.*

*- Này Ananda, Phật lực rất lớn. Hãy đem áo tắm lại.*

*Trưởng lão đem áo tắm và đưa cho bậc Đạo Sư. Bậc Đạo Sư, vói một đầu áo quấn quanh thân dưới và một đầu áo che thân trên, đứng trên tầng cấp và nói:*

- Ta sẽ tắm ở hồ Kỳ Viên.

Trong thời khắc ấy, chiếc ngai bằng tảng đá vàng của Thiên chủ Đế Thích trở thành nóng. Đế Thích tìm hiểu nguyên nhân, biết được lý do, liền cho gọi thần mưa thần mây và nói:

- Nay các thần, bậc Đạo Sư đứng trên tầng cấp chính, muốn tắm ở hồ Kỳ Viên, hãy cho mưa đổ xuống gấp thành một dòng, khắp tất cả nước Kosala.

Vâng theo lời Đế Thích, thần mây và thần mưa lấy một đám mây mặc vào như mặc đồ lót, lấy một đám mây khác che thân, và hát lên bài ca đông tố, vị ấy vụt ra đi, mặt hướng về phương đông. Ở phương đông, khởi lên một đám mây lớn bằng sân đập lúa. Đám mây ấy lớn dần lên cho đến bằng một trăm, một ngàn sân đập lúa, và nó làm sấm, làm chớp đổ nước xuống xứ Kosala như một dòng nước lớn.

Con mưa không gián đoạn, và trong giây lát nước ngập đầy hồ Kỳ Viên. Khi chạm đến tầng cấp cao nhất, thì nước đứng lại. Bậc Đạo Sư tắm trong hồ xong, mặc đôi y màu đỏ, buộc cái nịt thân, đắp đại y Thiện Thệ vào một bên vai. Với chung Tỷ-kheo vây quanh, ngài đi đến Hương phòng, ngồi trên Phật tọa được trang hoàng đẹp đẽ, và khi chúng Tỷ-kheo làm xong phận sự, bậc Đạo Sư đứng dậy, từ trên tầng cấp châu báu của bảo tọa, Ngài khuyên giáo chúng Tỷ-kheo và cho họ giải tán. Rồi ngài vào Hương phòng, nằm phía hông bên phải như dáng nằm con sư tử.

Vào buổi chiều, khi chúng Tỷ-kheo tụ hội tại Pháp đường, họ nói đến sự thành tựu đức nhẫn nhục, từ bi, lân mẫn của bậc Đạo Sư:

- Khi mùa màng bị khô héo, khi các hồ đều ráo cạn, khi các loài cá, loài rùa gặp đau khổ lớn, vì lòng thương xót muốn cứu chúng thoát khổ, Ngài mặc áo tắm, đứng trên tầng cấp cao nhất của hồ Kỳ Viên, và chỉ trong thời gian ngắn, làm mưa xuống khiến toàn xứ Kosala tràn ngập dòng nước lớn, giải thoát đại chúng khỏi đau khổ về thân, về tâm rồi trở về tinh xá.

Khi câu chuyện nói đến đó, bậc Đạo Sư từ Hương phòng đi ra, đến Pháp đường và hỏi:

- Nay các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp lại ở đây, và đang bàn vấn đề gì?

Khi nghe câu chuyện ấy, bậc Đạo Sư nói:

- *Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Như Lai mới làm mưa cho đại chúng khỏi một mối. Thuở xưa, khi sanh làm thú vật, khi làm vua loài cá, Như Lai cũng đã làm trời mưa rồi.*

*Nói vậy xong, bậc Đạo Sư kể câu chuyện quá khứ.*

\*

Thuở trước, trong nước Kosala, ở Xá-vệ này, tại chỗ hồ Kỳ Viên, có một hồ chẳng chít những cây leo. Bồ-tát sanh ra làm con cá, với đàn cá vây quanh sống tại đấy. Giống như nay vậy, trong xứ ấy trời không mưa, mùa màng của dân chúng bị khô héo: các ao hồ cạn nước, các con cá, con rùa bị mắc cạn. Trong hồ này, các con cá mắc cạn trong bùn, ẩn núp tại những chỗ ấy. Các con quạ đến nơi, mổ chúng với cái mỏ đem chúng lên và ăn chúng.

Bồ-tát thấy bà con mình gặp tai nạn ấy, tự nghĩ: "Ngoài ta ra, không một ai khác có thể cứu chúng thoát khỏi cảnh khổ này. Ta hãy làm một hạnh nói lên. Sự thật, khiến trời mưa, và giải thoát bà con ta khỏi cảnh khổ phải chết này".

Rẽ bùn đen ra làm hai, Bồ-tát đi lên, đó là một con cá lớn, đen đũi với bùn, như một cái hộp làm bằng lõi cây mun. Bồ-tát mở mắt như hòn ngọc được rửa sạch, nhìn lên trời, và nói với Pajjuna, vua chư Thiên:

- *Này bạn Pajjuna, ta đau khổ vì bà con ta. Khi ta, một bậc giữ giới bị đau buồn, làm sao bạn lại không làm trời mưa? Vì ta, dầu sanh ra trong loài phải ăn thịt bà con, từ thuở ban đầu là con cá nhỏ, ta cũng không bao giờ ăn một con cá chỉ bằng hột gạo, cũng không bao giờ đoạt mạng sống của một sanh vật khác. Với sự thật này, hãy làm cho trời mưa và giải thoát bà con ta thoát khỏi đau khổ!*

Sau khi nói vậy, như ra lệnh cho nô tỳ hầu hạ, Bồ-tát nói với Pajjuna, vua chư Thiên, bài kệ này:

Nổi sấm, Pàj-ju-na,  
Chận quạ gây tai hại!  
Hãy làm quạ sấu muộn,  
Giúp ta khỏi sấu bi!

Như vậy Bồ-tát bảo Pajjuna làm mưa lớn trong toàn nước Kosala và giải thoát đại chúng khỏi đau khổ vì phải chết. Và khi mạng chung, Bồ-tát đi theo nghiệp của mình.

\*

*Bậc Đạo Sư nói:*

*- Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ có nay Như Lai mới làm trời mưa. Thuở trước, khi sanh làm con cá, Ta cũng đã làm trời mưa rồi.*

*Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo Sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện Tiền thân như sau:*

*- Thời ấy, đàn cá là hội chúng đức Phật, vua chư Thiên Pajjuna là Ànanda, và vua loài cá là Ta vậy.*

\*\*\*

## **Chương II Công đức lành của Chân thật và Quả báo xấu của hư dối**

### **Chuyện thứ năm: Hai người buôn ghè nước**

(Trích từ chuyện số 3. CHUYỆN NGƯỜI BUÔN CHÈ (Tiền thân Serivàṇija)

Thuở xưa năm kiếp về trước, Bồ-tát ở trong nước Seri, làm nghề đi buôn ghè bát và được gọi là Serivan. Serivan cùng với một người lái buôn bán ghè bát tham lam khác, vượt qua con sông Talavaha đi vào thành Andhapura, phân chia những con đường trong thành, bán hàng hóa của mình tại con đường đã được phân chia. Còn người kia nhận con đường phần mình. Trong thành ấy, có một gia đình triệu phú bị sa sút. Tất cả con trai, anh, em và tài sản đều bị mất sạch. Những người sống sót là một người con gái và một bà nội, cả hai bà cháu sống bằng nghề làm thuê cho các người khác. Nhưng trong nhà có một cái bát bằng vàng, xưa kia người đại triệu phú dùng để ăn cơm. Bát ấy lâu ngày bị quăng vào giữa các chén bát khác không được dùng đến và bụi nhớp dính đầy. Họ không biết cái bát ấy bằng vàng. Lúc bấy giờ, người lái buôn tham lam kia, đang vừa đi vừa rao:

- Hãy lấy ghè nước, hãy lấy ghè nước.

Và đến cửa ngôi nhà. Người con gái thấy kẻ ấy liền nói với bà nội:

- Thưa bà, hãy lấy cho con một đồ trang sức.

- Này con thân, chúng ta rất nghèo, đem đổi cái gì để lấy ghè nước?
- Có một cái bát không giúp ích gì cho chúng ta. Hãy đem cái này đổi lấy ghè.

Bà cho gọi người lái buôn, lấy ghè mời ngồi, đưa cái bát cho kẻ ấy và nói:

- Này ông, hãy lấy vật này và đổi cho chị một chút gì.

Người lái buôn cầm bát suy nghĩ: "Bát này có thể bằng vàng", xoay bát trên tay, cạo một đường với một cây kim sau lưng bát, biết được bát bằng vàng, kẻ ấy nghĩ: "Không cần cho những người này một cái gì cả, ta sẽ lấy cái bát", bèn nói:

- Vật này mà giá bao nhiêu? Giá của nó không đáng nửa đồng xu.

Kẻ ấy quăng bát xuống đất, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi bỏ đi. Bấy giờ, giữa hai người lái buôn có sự thỏa thuận rằng khi một người đã vào con đường rồi bỏ đi, người kia có thể vào con đường ấy được. Vì thế Bồ-tát đi vào con đường ấy, rao hàng:

- Ai lấy ghè nước không?

Và đi đến cửa ngôi nhà ấy. Cô con gái nói với bà nội như trước. Bà nội nói với cô:

- Này con thân, người lái buôn đến trước đã quăng bát xuống đất và bỏ đi, nay chúng ta có thể cho cái gì để lấy được?

- Thưa bà, người lái buôn kia ăn nói thô ác. Còn người này có đáng mặt dễ thương, ăn nói dịu dàng. Rất có thể người này nhận lấy.

- Vậy hãy gọi họ lại.

Cô gái gọi người này lại.

Khi vị này vào nhà và ngồi, họ đưa cái bát cho xem. Vị này biết cái bát là bằng vàng liền nói:

- Thưa mẹ, cái bát này đáng giá trăm ngàn đồng tiền vàng. Tôi không có trong tay tôi hàng hóa giá trị bằng cái bát này.

- Này ông, người lái buôn đi đến trước nói rằng cái này không đáng giá nửa đồng xu, đã quăng bát xuống đất bỏ đi. Nay bát này nhờ công đức của ông, trở thành bằng vàng. Vậy chúng tôi cho ông cái bát này. Hãy cho chúng tôi một chút ít thứ gì, lấy cái bát và ra đi.

Lúc đó Bò-tát có trong tay tám trăm đồng tiền vàng và hàng hoá trị giá năm trăm đồng tiền vàng, liền đem cho tất cả và nói:

- Hãy cho tôi giữ lại cái cân, cái giỏ và tám đồng tiền vàng.

Sau khi xin như vậy rồi, ngài cầm lấy cái bát và ra đi. Ngài đi mau đến bờ sông, cho người chủ thuyền tám đồng tiền và leo lên thuyền. Khi ấy, người lái buôn tham lam trở lại và nói:

- Hãy đem cái bát ra đây, ta sẽ cho các người một ít thứ gì.

Nhưng bà già mắng lại kẻ ấy:

- Chú cho rằng cái bát bằng vàng của chúng ta trị giá một trăm ngàn đồng lại không đáng giá nửa đồng xu! Nhưng một người lái buôn chân chánh, giống như thầy của chú, đã cho chúng ta một ngàn đồng vàng, lấy cái bát và ra đi rồi.

Nghe nói như vậy, kẻ ấy than:

- Ta đã mất đi cái bát bằng vàng trị giá một trăm ngàn đồng tiền vàng rồi. Nó thật là tên ăn cướp đã hại ta.

Người lái buôn tham lam ấy sanh khởi ưu tư sầu muộn, không thể tập trung tâm trí, trở thành điên loạn, tự tay vung vãi đồng tiền vàng và hàng hóa trước cửa nhà ấy, quăng bỏ áo mặc, áo choàng, và tay cầm cán cân như cái gậy đi theo con đường của Bò-tát, đến bờ sông. Thấy Bò-tát đã đi qua sông, kẻ ấy liều kêu:

- Hỡi bạn lái đò, hãy quay lại.

Nhưng Bò-tát ngăn chặn và nói:

- Đừng quay lại.

Thấy Bò-tát dần dần đi xa, sầu muộn ưu tư của kẻ ấy khởi lên, quả tim nóng ran, máu nóng trào ra miệng và quả tim ấy bị nứt ra như bùn dưới đáy của một bể nước. Do hận tâm chống Bò-tát, kẻ ấy mệnh chung ngay tại chỗ. Đây là lần đầu tiên Đề-bà-đạt-đa có hận tâm chống Bò-tát. Còn Bò-tát, trọn đời làm các công đức như bố thí... rồi đi theo nghiệp của mình.

\*

*Sau khi kể hai câu chuyện và kết hợp chúng với nhau, bậc Đạo Sư nhận diện Tiền thân:*

*- Thời ấy, người lái buôn ngu si là Đê-bà-đạt-đa, còn người lái buôn hiền trí là Ta vậy.*

-ooOoo-

## **Chuyện thứ sáu: Vua nói dối bị quả đất nuốt chửng**

(Trích từ chuyện số 422. Chuyện Quốc Vương Ceti (Tiền thân Cetiya)

### ***Công lý tổn thương gây hiểm họa...***

*Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc Tỷ-keo Devadatta (Đê-bà-đạt-đa) bị quả đất nuốt sống.*

*Một ngày kia, Tăng chúng bàn luận trong Chánh Pháp đường về cách Devadatta nói dối như thế nào rồi bị chìm sâu vào lòng đất và đọa vào ngục Avìci (Vô gián). Bậc Đạo Sư bước vào và khi nghe đề tài thảo luận ấy, Ngài bảo:*

*- Đây không phải lần đầu kẻ ấy chìm sâu vào lòng đất.*

*Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.*

\*

Ngày xưa khi trong thời tối sơ khai, có vị vua mệnh danh Mahàsamata với thọ mạng kéo dài một a-tăng-kỳ (asnkheyya) kiếp. Vị vương tử tên Roja, vị này lại sinh con trai là Vararoja và kế tiếp đó là Kalyàna, Varakalyàna, Uposatha, Mandhàtà, Varamandhàtà, Cara, Upacara, còn được gọi là Apacara.

Vua này trị vì quốc độ Ceti, ở kinh đô Sotthivati, có đầy đủ tứ thần thông: vua có thể đi trên trời, hoặc bay qua không gian, có bốn Thiên thần ở bốn phương bảo vệ vua với kiếm tuốt trần, thân hình vua tỏa mùi hương chiên-đàn, và miệng vua tỏa mùi hương sen.

Thời ấy vị tế sư hoàng gia tên là Kapila. Em trai của vị Bà-la-môn này là Korakalamba, được học chung thầy với vua. Thời Apacara còn là vương tử, đã hứa sẽ phong Korakalamba làm tế sư hoàng gia khi nào mình lên ngôi.



Khi vua cha băng hà, vương tử lên ngôi song không thể đưa Kapila ra khỏi chức vụ tế sư hoàng gia được, và khi tế sư Kapila đến châu vua, vua vẫn bày tỏ nhiều đặc ân đối với vị ấy. Vị Bà-la-môn ấy quan sát điều này và nhận xét rằng một vị vua thường trị nước hoàn hảo nhất cùng với các quần thần đồng tuổi tác, còn chính ông có thể xin cáo quan về làm ẩn sĩ, nên đã trình:

- Tâu Đại vương, nay lão thần đã già cả, lão thần có một con trai ở nhà, xin Đại vương phong cho nó làm tế sư hoàng gia và lão thần sẽ trở thành ẩn sĩ.

Ông được vua chấp thuận phong con trai mình làm tế sư hoàng gia, sau đó ông đến ngụ viên sống đời ẩn sĩ, đạt được các Thắng trí và ở gần con trai.

Còn Koralambaka cảm thấy căm hận anh mình vì ông đã không trao cho mình chức vị tế sư khi trở thành ẩn sĩ. Một hôm, vua nói chuyện thân mật với Koralambaka:

- Nay Koralambaka, Hiền hữu không làm tế sư hoàng gia ư?

- Tâu Đại vương không, huynh trưởng của thần xếp đặt việc ấy.

- Thế lệnh huynh chẳng trở thành ẩn sĩ rồi sao?

- Tâu vâng, song gia huynh đã để chức vụ ấy cho con mình.

- Thế thì hiền hữu hãy lo sắp xếp việc ấy.

- Tâu Đại vương, thần không thể đặt gia huynh qua một bên rồi nhận lấy chức vụ do cha truyền con nối ấy.

- Nếu vậy, ta sẽ làm hiền hữu thành vị trưởng tế sư và vị kia làm phụ tá cho hiền hữu.

- Tâu Đại vương, bằng cách nào?

- Bằng cách nói dối.

- Tâu Đại vương, thế Đại vương không biết gia huynh là pháp thuật sư cao cường có đại thần lực ư? Gia huynh sẽ dùng huyền thuật đánh lừa Đại vương, làm cho bốn vị Thiên thần biến mất, rồi làm cho một mùi hôi thối xông ra từ thân thể và miệng Đại vương, lại làm cho Đại vương rơi từ trời xuống đất và Đại vương sẽ bị

quả đất nuốt sống, vì thế Đại vương không thể hành động theo lời nói dối kia được đâu.

- Đừng lo gì, ta sẽ sắp xếp việc này.
- Tâu Đại vương, khi nào Đại vương thực hiện điều này?
- Vào thứ bảy kể từ đây.

Chuyện này lan truyền khắp kinh thành:

- Hoàng thượng sắp nói dối để làm vị trưởng thành phó và sẽ giao chức vụ cho vị phó. Lời nói dối là vật gì nhỉ, nó màu xanh, vàng hay màu khác nữa?

Quần chúng suy nghĩ rất nhiều về việc này. Tương truyền đó là thời mọi người thế gian đều nói thật, người ta không biết từ "nói dối" nghĩa là gì cả.

Con trai vị tế sư nghe chuyện này liền nói với cha:

- Thưa cha, dân chúng bảo đức vua sắp nói dối để làm cha thành con thứ rồi giao chức vụ của cha cho chú con.
- Này con, đức vua sẽ không thể nói dối để tước đoạt địa vị này của ta đâu. Đức vua sắp thực hiện điều này vào ngày nào?

*Họ bảo ngày thứ bảy kể từ đây.  
Hãy báo cho cha biết khi đến thời điểm ấy.*

Vào ngày thứ bảy, một đám đông tụ tập trong sân châu ngồi theo hàng hàng lớp lớp hy vọng thấy lời nói dối. Vị tế sư trẻ đi báo tin cho cha. Vua chuẩn bị lễ phục đầy đủ xong, xuất hiện ở khoảng không trên sân châu giữa đám đông.

Vị ẩn sĩ bay qua không gian, trải tọa cụ bằng da trước mặt vua, ngồi trên đó giữa không gian và hỏi:

- Tâu Đại vương, có thật là Đại vương muốn nói dối làm người em thứ thành anh trưởng và giao chức vụ cho người ấy?
- Thưa Tôn sư, trăm đã làm như vậy.

Sau đó, vị ẩn sĩ khuyên giáo vua:

- Tâu Đại vương, lời nói dối là một cách phá hoại tàn khốc các đức tính tốt đẹp, nó tạo tái sinh vào bốn ác đạo, một vị vua nói dối sẽ tiêu diệt công lý, và vì phá hủy công lý, chính vua ấy cũng bị tiêu diệt.

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu:

*1. Công lý tổn thương gây hiểm họa,  
Sẽ đền bù với giá tai ương,  
Vậy đừng làm tổn thương công lý,  
Sợ hiểm nguy ào đến Đại vương.*

Ngài lại khuyên giáo vua nhiều hơn nữa:

- Tâu Đại vương, nếu Đại vương nói dối, bốn pháp thần thông sẽ biến mất.

Rồi Ngài ngâm vần kệ thứ hai:

*2. Thân lực xa lìa kẻ vọng ngôn,  
Miệng mồm hôi thối đáng kinh hồn,  
Bước chân không vững trong trời đất,  
Bất cứ kẻ nào đáp dối gian.*

Nghe vậy, vua lo sợ nhìn Korakalambaka. Vị ấy bảo:

- Tâu Đại vương đừng sợ, thần đã chẳng tâu Đại vương như vậy từ đâu sao?

Và tiếp theo những lời lẽ tương tự như vậy. Mặc dù đã nghe Kapila nói như vậy, vua vẫn tuyên bố câu xác định:

- Thừa Tôn sư, ngài là em thứ, còn Korakalambaka là anh trưởng.

Ngay lúc vua vừa thốt ra lời nói dối này, bốn Thiên thần bảo các vị không muốn hộ trì một người dối trá như vậy nữa, liền ném kiếm dưới chân vua và biến mất.

Miệng vua bốc mùi thối như trứng hư vỡ tung tóe và thân thể vua như ống cống mở nắp. Rồi từ trên không rớt xuống, vua đứng trên đất, như thế cả bốn thần lực đều biến mất. Vị tế sư bảo:

- Tâu Đại vương, đừng sợ, nếu Đại vương nói thật, thần sẽ phục hồi mọi sự cho Đại vương.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ ba:

*3. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,  
Đại vương hồi phục được toàn phần,  
Còn lời nói dối giam ngài mãi  
Tại đất Ce-ti, đến tận cùng.*

Ngài lại nói:

- Tàu Đại vương, hãy xem: Bốn thần lực của Đại vương biến mất vì nói dối lần đầu, xin Đại vương suy xét lại, vì bây giờ vẫn còn có thể phục hồi chúng.

Nhưng vua đáp:

- Đại sư muốn đánh lừa trẫm về việc này.

Vừa nói dối lần thứ hai như vậy, vua liền bị lún ngay xuống đất đến mắt cá chân.

Vị Bà-la-môn một lần nữa lại nói:

- Xin Đại vương hãy suy nghĩ kỹ.

Rồi Ngài ngâm vần kệ thứ tư:

*4. Hạn hán vào thời phải đổ mưa,  
Và mưa trút xuống lúc mùa khô,  
Khi người nào cố tình gian dối,  
Đối đáp vọng ngôn để hại ta.*

Rồi ngài lại nói thêm một lần nữa:

- Do Đại vương nói dối, Đại vương bị lún vào mặt đất đến tận mắt cá chân, vậy xin đại vương suy xét kỹ.

Rồi Ngài ngâm vần kệ thứ năm:

*5. Lời thật cùng bao Pháp thuật thần,  
Đại vương hồi phục được toàn phần,  
Còn lời nói dối chôn ngài xuống  
Tại đất Ce-ti mãi tới cùng.*

Nhưng lần thứ ba, vua nói:

- Tôn giả là em thứ và Korakalambaka là anh trưởng.

Vừa nói lời dối trá này, vua lại bị lún dần vào mặt đất đến tận đầu gối. Một lần nữa, vị Bà-la-môn nói:

- Xin Đại vương suy xét lại.

Rồi Ngài ngâm vần kệ:

*6. Người lường thiệt này, hỡi Đại vương,  
Cũng như con rắn lăm mưu gian,  
Người nào vẫn cố tình lừa dối  
Đối đáp những lời chẳng thật chân.*

*7. Lời thật cũng bao pháp thuật thần,  
Đại vương hỡi phục được toàn phần,  
Còn lời nói dối chôn ngài xuống  
Tại đất Ce-ti mãi chẳng ngừng.*

Rồi Ngài còn nói thêm:

Ngay bây giờ mọi sự vẫn có thể được phục hồi.

Vua chẳng quan tâm đến lời ngài, vẫn lặp lại lời nói dối lần thứ tư:

- Thừa Tôn giả, ngài là em thứ, và Korakalambaka là anh trưởng.

Vừa thốt lời này, vua bị chìm ngập đến tận hông. Vị Bà-la-môn lại bảo:

- Xin Đại vương hãy suy nghĩ kỹ.

Rồi Ngài ngâm vần kệ:

*8. Kẻ ấy như con cá, Đại vương,  
Sẽ không có lưỡi ở trong mồm,  
Người nào vẫn cố tình gian dối,  
Đối đáp những lời lẽ vọng ngôn.*

*9. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,  
Đại vương hỡi phục được toàn phần,  
Còn lời nói dối chôn ngài xuống  
Tại đất Ce-ti mãi chẳng ngừng.*

Lần thứ năm vua lặp lại lời nói dối, và ngay đó bị chìm sâu xuống tận rốn. Vị Bà-la-môn một lần nữa kêu gọi vua xét kỹ và ngâm hai vần kệ:

*10. Kẻ ấy chỉ sinh được gái thôi,  
Sẽ không sinh được một con trai,  
Kẻ nào vẫn cố tình gian dối  
Đối đáp vọng ngôn ở giữa đời.*

*11. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,  
Đại vương hồi phục được toàn phần,  
Còn lời nói dối chôn ngai xuống  
Tại đất Ce-ti mãi chẳng ngừng.*

Vua cũng không quan tâm, cứ lặp lại lời nói dối lần thứ sáu và chìm xuống tận ngục. Vị Bà-la-môn kêu gọi khẩn thiết một lần nữa và ngâm hai vần kệ:

*12. Bầy con không ở với người kia,  
Ở khắp mọi nơi chúng chạy xa,  
Người vẫn cố tình ưa nói dối,  
Đáp lời hỏi với dạ gian tà.*

*13. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,  
Đại vương hồi phục được toàn phần,  
Còn lời nói dối chôn ngai xuống  
Tại đất Ce-ti mãi chẳng ngừng.*

Do thận cận ác bằng hữu, vua xem thường các lời trên và nói dối lần thứ bảy. Sau đó mặt đất há miệng ra và lửa địa ngục Avìci bùng lên kéo vua xuống.

*14. Chuyện kẻ bị truyền bởi trí nhân,  
Vị vua từng bước giữa không trung,  
Chìm thân, bị nuốt vào lòng đất  
Ngay đúng ngày quy định số phần.*

*15. Vậy trí nhân không thể tán đồng  
Dục tham xuất hiện ở trong lòng,  
Người nào ly dục, tâm thanh tịnh,  
Lời nói sẽ luôn giữ vững vàng.*

Đây là hai vần kệ phát xuất từ Trí tuệ Tối thắng của đức Phật.

Quần chúng kinh hãi bảo nhau:

- Quốc vương Ceti phỉ báng bậc hiền nhân và nói dối nên đã bị đọa vào ngục Avìci.

Năm vị vương tử của vua đến gặp vị Bà-la-môn và nói:

- Xin Tôn sư giúp chúng đệ tử.

Vị Bà-la-môn đáp:

- Phụ vương của các vị đã hủy diệt Chân lý, nói dối và phỉ báng hiền nhân: do vậy ngài đã vào hỏa ngục Avìci. Nếu công lý bị hủy diệt, nó sẽ hủy diệt lại ta. Các vị không được cư trú tại đây nữa.

Ngài lại bảo vị thái tử:

- Này Điện hạ thân yêu, Hãy rời kinh thành bằng cổng Đông và tiếp tục đi thẳng, chàng sẽ thấy một vương tượng toàn trắng nằm phủ phục, thân chạm vào mặt đất ở bảy chỗ: hai ngà, vòi, và bốn chân. Đó là dấu hiệu để chàng dựng kinh và cư trú tại nơi ấy. Tên kinh đô ấy sẽ là Hatthipura (Tượng Thành)

Ngài bảo vương tử thứ hai:

- Điện hạ rời đây bằng cổng Nam và đi thẳng đến khi thấy một vương mã thuần bạch, đó là dấu hiệu để chàng dựng kinh đô và cư trú tại nơi ấy. Kinh đô ấy sẽ được gọi là Assapura (Mã Thành).

Ngài bảo vương tử thứ ba:

- Điện hạ rời đây bằng cổng Tây và đi thẳng tới khi thấy một sư tử có bờm, đó là dấu hiệu để chàng dựng kinh đô và cư trú tại nơi ấy. Kinh đô ấy sẽ được gọi là Sihapura (Sư Thành).

Ngài bảo vị vương tử thứ tư:

- Điện hạ rời đây bằng cổng Bắc và đi thẳng cho đến khi thấy một bánh xe làm toàn bằng ngọc, đó là dấu hiệu để chàng dựng kinh đô và cư trú tại nơi ấy. Kinh thành ấy sẽ được gọi là Uttarapancala (Thượng Luân Thành).

Ngài bảo vị vương tử thứ năm:

- Điện hạ không thể ở đây. Vậy hãy xây một đền thờ lớn trong kinh thành này, rồi đi về phía Tây bắc, và đi thẳng cho đến khi thấy hai ngọn núi đập vào nhau gây tiếng động "daddara", đó sẽ là dấu hiệu để chàng dựng kinh đô và cư trú nơi ấy. Thành ấy sẽ được gọi là Daddarapura (Thành Daddara).

Cả năm vương tử đều ra đi, theo các dấu hiệu kia dựng kinh đô và an trú ở đó.

\*

*Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư bảo:*

- *Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu Devadatta nói dối và bị chìm vào lòng đất.*

*Rồi ngài nhận diện Tiền thân:*

- *Thời ấy vua Ceti là Devadatta và Bà-la-môn Kapila là Ta.*

-ooOoo-

## **Chương III – Sức mạnh chân thật của những điều kín nhiệm và nguyện cầu chân lý**

### **Chuyện thứ bảy: sức mạnh chân thật của những lời nguyện cầu từ những điều thầm kín riêng tư**

(Trích từ chuyện số 444. Câu Chuyện Hắc Nhân Dìpàyana (Tiền thân Kanhadipàyana)

***Bảy ngày tâm trí được thông dong...***

*Chuyện này bậc Đạo Sư kể tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo thói thất.*

*Hoàn cảnh này sẽ được giải thích trong Tiền thân Kusa (số 531). Khi bậc Đạo Sư hỏi lời đồn ấy có đúng không và vị Tỷ-kheo ấy đáp là đúng, thì ngài bảo:*



- *Này Tỷ-kheo, thuở xưa trước khi đức Phật xuất hiện ở đời, các bậc trí nhân, ngay cả những vị hành trì một nếp tu tập không theo Chánh pháp, trong suốt hơn năm mươi năm bước đi trong Thánh hạnh mà không thích thú nhiệt tâm, song vì bản tính thận trọng khôn ngoan, nên không bao giờ nói cho ai hay biết là các ông đã thối thất. Còn nay tại sao ông đã hành trì Giáo pháp của Ta đưa đến giải thoát, và ông đang đứng trước mặt một đức Phật Thế Tôn như Ta, sao ông dám bộc lộ sự thối thất của ông trước bốn hàng đệ tử? Tại sao ông không giữ được tính thận trọng e dè?*

*Nói xong, Ngài kể một chuyện đời xưa.*

\*

Ngày xưa, trong quốc độ Vamsa, một vị vua trị vì tại Kosambi mệnh danh là Kosambika. Thời ấy có hai vị Bà-la-môn ở một thị trấn kia, mỗi vị đều có tài sản tám trăm triệu đồng và là bạn thân thiết của nhau, cả hai ông, sau khi đã nhận thức sự tai hại của tham dục, và đã phân chia của cải ra để bố thí, liền từ bỏ thế tục ngay giữa tiếng than khóc của nhiều người thân, khởi hành về phía Tuyết Sơn, dựng am ẩn sĩ ở đó cho mình. Tại chốn ấy trong năm mươi năm liền, hai vị sống đời ẩn sĩ, nuôi thân bằng trái cây, củ rừng mà hai vị tình cờ kiếm được; song các vị không thể nào chứng đắc Thiền định.

Sau năm mươi năm ấy đã trôi qua, các vị đi du hành qua vùng quê xin muối và đồ gia vị, lại đến vương quốc Kàsi. Trong một thị trấn của quốc độ này có một gia chủ tên là Mandavya, đã từng là một thân hữu tại gia ngày trước của ẩn sĩ Dìpàyana. Hai vị liền đi đến thăm ông Mandavya này; vừa trông thấy hai vị, ông chủ nhà vô cùng thích thú, liền xây cho hai vị một am tranh, cung cấp đầy đủ mọi loại vật dụng cần thiết của cuộc sống ẩn sĩ. Hai vị ở đó ba bốn mùa, rồi từ giã ông, tiến về Ba-la-nại, tại đây hai vị vào ở trong nghĩa địa trồng toàn cây Atimuttaka. Khi Dìpàyana đã ở đó một thời gian như ý muốn, ngài trở về nơi người bạn xưa lần nữa; còn Tôn-giả Mandavya, ẩn sĩ kia, vẫn ở chỗ cũ.

Lúc bấy giờ, một ngày kia có tên đạo tặc gây cướp bóc trong thị trấn, và trở về từ nơi ấy cùng một số của cải cướp được. Các gia chủ, lính canh, chạy ra cùng la to "kẻ trộm" và kẻ trộm bị các người này đuổi gấp, đã thoát thân qua một ống cống và trong lúc đang chạy quanh gần nghĩa địa, gã làm rơi gói đồ ở cửa nhà lá của vị ẩn sĩ ấy. Khi các chủ nhà thấy gói này, đồng kêu to:

- À đồ khôn kiếp! Anh là quân trộm cướp ban đêm, còn ban ngày anh đi quanh quần giả dạng tu hành.

Rồi vừa phỉ báng, vừa đâm đá, họ đem vị này vào yết kiến vua.

Vua không bảo điều tra gì cả mà chỉ nói:

- Dẫn nó đi ra và đóng cọc vào nó.

Họ đem ông đến nghĩa địa, đặt ông vào cái cọc bằng gỗ cây keo. Song cây cọc không chịu đâm qua thân của vị ẩn sĩ, kể đó họ mang vào cái cọc khác, song cái này cũng không đâm thủng ông, kể đó là cái cọc sắt, cũng không thể đâm thủng thân ông được. Ông tự hỏi hành động nào trong quá khứ của mình đã gây nên sự việc này, liền quan sát quá khứ, trong tâm ông khởi lên tri kiến về các đời trước, nhờ vậy nhìn lại quá khứ, ông thấy những việc đã làm từ lâu, đó chính là việc đâm thủng một con ruồi trên một mảnh gỗ mun.

Chuyện kể rằng trong một đời trước, ông là con trai một người thợ mộc. Một bữa nọ, cậu đi đến chỗ người cha thường đốn cây và cậu đã dùng một mảnh gỗ mun đâm thủng một con ruồi như thể đóng cọc vào nó. Chính ông phát giác ra tội ác kia vào giờ phút nguy kịch này. Ông nhận thức rằng không thể nào thoát khỏi ác nghiệp cũ được, nên bảo đám quân hầu của vua:

- Nếu các ông muốn đóng cọc ta, hãy lấy cái cọc bằng gỗ mun.

Họ làm theo, và đóng cọc vào vị ấy xong, họ để lại một tên quân canh giữ vị ấy và ra đi.

Bọn lính canh từ một nơi ẩn nấp quan sát mọi việc xảy ra cho vị ấy. Lúc bấy giờ, Dipàvana suy nghĩ: "Ta đã gặp đạo hữu của ta cách đây lâu rồi", liền muốn đi tìm bạn. Khi nghe tin bạn đã bị đóng cọc treo lên suốt ngày bên vệ đường, ông liền đi đến đứng bên bạn và hỏi bạn đã làm gì.

- Chẳng làm gì cả. Vị ấy đáp.

Vị kia lại hỏi:

- Thế hiền hữu, ta chẳng thấy sân hận gì những kẻ đã bắt ta, cũng chẳng hiềm hận vua; chẳng có nổi oán hờn nào trong tâm ta cả.

- Nếu quả vậy, thì bóng mát của một vị đức độ như thế này cũng đủ đem lại an lạc cho đời ta rồi.

Cùng với những lời này, ông ngồi xuống cạnh cây cọc. Từ thân của Mandavya rơi xuống vài giọt máu trên thân người bạn. Vì chúng rơi xuống làn da vàng óng và khô đi như thể các chấm đen trên đó, khiến cho ông có tên Kanha hắc nhân Dìpàyana từ đó về sau. Và ông cứ ngồi yên tại chỗ suốt đêm.

Ngày hôm sau, bọn quân canh đến kể mọi chuyện với vua, ngài bảo:

- Ta đã hành động quá hấp tấp.

Rồi vua vội vã đến nơi, hỏi Dìpàyana chuyện gì đã khiến ông ngồi bên cây cọc. Ông đáp:

- Tâu Đại vương, thần ngồi đây để canh bạn. Nhưng xin cho biết người này đã làm gì, hay bỏ dở việc gì chưa làm, mà Đại vương đổi xử như vậy?

Vua giải thích là vấn đề chưa được điều tra. Vị kia đáp:

- Tâu Đại vương, một vị vua phải hành động cẩn trọng; một người thể tục phóng túng, ham mê dục lạc là điều không hay v.v...

Và ông còn khuyến cáo nhà vua thêm những việc tương tự như thế nữa.

Khi vua thấy Mandavya vô tội, ngài ra lệnh nhổ cọc lên. Nhưng dù bọn chúng gắng hết sức, cũng không nhổ lên được. Mandavya bảo:

- Tâu Đại vương, thần phải chịu mang sự ô nhục này là do một lỗi lầm đã phạm thời xa xưa, nên không thể nào nhổ cọc ra khỏi thân này được. Song nếu Đại vương muốn cứu mạng thần, xin bảo đem đến cái cưa, xẻ cái cọc ngang sát lớp da.

Vua bảo làm như thế; nên phần cây cọc nằm trong thân ông vẫn còn đó. Vì chuyện kể rằng trước kia có lần ông cầm một viên kim cương nhỏ đâm thủng ống mật của một con ruồi nọ để nó khỏi chết, cho đến lúc nó tận số. Nhờ vậy ông cũng không chết luôn. Chuyện kể như thế.

Còn nhà vua đánh lễ hai vị ẩn sĩ, xin thứ lỗi, rồi đem hai vị vào trú ngụ trong ngự viên, và chăm sóc hai vị tại chỗ ấy. Cũng từ đó, Mandavya được gọi là "Mandavya mang-cái-cọc", cứ sống ở nơi này gần gũi nhà vua. Phần Dìpàyana, sau khi chữa lành vết thương cho bạn xong, lại trở về với bạn xưa là gia chủ Mandavya. Khi gia nhân nhận thấy vị này đi vào am thất cũ, liền đi báo với gia chủ. Ông chủ nghe tin lòng rất hoan hỷ, cùng với vợ con đem nhiều hương liệu, tràng hoa, dầu, đường đi

đến am thất, đánh lễ Dìpàyana, rửa chân và xoa dầu thơm cho vị này xong, đem mời nước uống và ngồi lắng nghe câu chuyện ẩn sĩ Mandavya mang-cây-cọc.

Bấy giờ con trai của gia chủ là nam tử Yannadatta, đang chơi đùa với quả cầu ở cuối mái hiên. tại đó, có một con rắn trong một ổ kiến. Trái cầu của cậu trai bị ném xuống đất, chạy tọt vào ổ kiến kia và rơi nhằm con rắn. Vì không biết sự này, cậu thò tay vào ổ. Con rắn tức giận cắn tay cậu, khiến cậu ngã xuống bất tỉnh vì nọc độc của rắn quá mạnh. Sau đó cha mẹ cậu thấy con bị rắn cắn, liền nâng con dậy đem đến vị ẩn sĩ kia, đặt cậu nằm dưới chân vị này và nói:

- Thưa Tôn giả, các bậc tu hành thường biết các cây thảo dược và bùa chú, xin Tôn giả chữa trị cho con chúng tôi.

- Ta đâu biết gì về thảo dược, ta chẳng làm nghề y sĩ bao giờ.

- Thưa Tôn giả, ngài là bậc tu hành xin thương xót thằng bé này và thực hiện một lời Nguyện cầu Chân thật.

- Được lắm - vị ẩn sĩ đáp - ta sẽ thực hiện một lời Nguyện cầu Chân thật.

Rồi vừa đặt đặt lên đầu Yannadatta, ông vừa ngâm vần kệ đầu:

*1. Bấy ngày tâm trí thật thông dong,  
Thanh tịnh sống đời ước lập công,  
Từ đó năm mươi năm ẩn dật,  
Chú tâm ta bộc bạch lời chân;  
Nơi đây ta sống dù không muốn,  
Lời thật này mong tạo phước ân,  
Khiến nọc độc không còn hiệu lực,  
Cậu trai này sẽ tỉnh lên dần.*

Chẳng bao lâu khi lời Nguyện cầu Chân thật này được thực hiện, thì chất độc phóng ra từ ngực của Yannadatta và chui xuống đất. Cậu bé mở mắt nhìn cha mẹ và kêu:

- Mẹ ơi!

Rồi cậu quay người nằm im. Lúc ấy Hắc nhân Dìpàyana bảo người cha:

- Đây, ta đã dùng hết khả năng của ta, nay đến thời bạn dùng khả năng của mình đi.

Người cha đáp:

- Vậy tôi sẽ thực hiện lời Nguyên cầu Chân thật.

Rồi vừa đặt tay lên ngực con trai, ông vừa ngâm vãn kệ thứ hai:

*2. Chẳng chút quan tâm vật cúng dường  
Ta đem đãi mọi khách qua đường,  
Song người hiền trí chưa hề biết  
Ta đã tự kiềm chế bản thân;  
Dù bố thí, ta lòng miễn cưỡng,  
Cầu mong lời thật tạo hồng ân,  
Làm cho nọc độc thành vô hiệu,  
Thằng bé này đây được tỉnh dần.*

Sau khi ông thực hiện lời Nguyên cầu Chân thật này, từ lưng cậu bé nọc độc xuất ra và chui xuống đất. Cậu ngồi dậy, nhưng chưa thể đứng lên được. Lúc ấy người cha bảo người mẹ:

- Nay phu nhân, ta đã dùng hết khả năng của ta, bây giờ chính bà dùng năng lực của mình phát nguyện Lời Chân thật để làm cho con bà đứng lên và đi được.

Bà vợ đáp:

- Tôi cũng có một sự thật muốn nói ra, nhưng trước mặt quý vị tôi không thể nói được.

Ông bảo:

- Nay phu nhân, hãy dùng hết mọi phương cách làm cho con ta bình phục.

Bà đáp:

- Thế thì tốt lắm.

Và lời Nguyên cầu Chân thật của bà được đưa ra trong vần kệ thứ ba:

*3. Rắn nọ cắn con mới nẩy giờ,  
Nằm trong lỗ ấy hồi còn thơ,  
Và cha con đó, nay ta bảo,  
Là một, trong tim mẹ hững hờ,*

*Mong sự thật này mang phước đức,  
Nọc tan, con trẻ tỉnh hôn mơ!*

Chẳng bao lâu lời Nguyên Cầu Chân thật này được thực hiện thì tất cả nọc độc đều tuôn ra và chui xuống đất. Yannadatta đứng dậy, toàn thân cậu đã được tẩy sạch hết chất độc, nên cậu bắt đầu chơi đùa. Khi cậu bé đã hồi tỉnh như thế xong, gia chủ Mandavya hỏi về tâm tư của Dìpàvana qua vần kệ thứ tư:

*4. Người ta xuất thế, trí quang minh,  
Thuần thực, tâm không chút bất bình,  
Trừ bạn Kan-ha, sao thối chất,  
Chẳng mong tiến bước đạo tu hành?*

Đề đáp lại lời này, vị kia ngâm vần kệ thứ năm:

*5. Xuất thế rồi quay lại cõi trần,  
Chắc người ta nghĩ: "Kẻ ngu dân!",  
Chính điều này khiến ta lùi bước,  
Ta vẫn hành trì đạo Thánh nhân  
Tuy vậy ta không còn phát nguyện,  
Ta theo Thánh đạo bởi nguyên nhân:  
Được lời khen ngợi từ người trí,  
Là cách người hiền thiện trú thân.*

Sau khi đã giải thích lối suy nghĩ của mình như vậy xong, vị này hỏi Mandavya lần nữa qua vần kệ thứ sáu:

*6. Nhà bạn đây như thể quán ăn,  
Chứa đồ ẩm thực để cung dâng  
La-môn, trí giả cùng du khách,  
Thỏa mãn cơn khao khát, đói lòng,  
Xong sợ điều gì gây tiếng xấu,  
Nên lòng miễn cưỡng lại cho không.*

Đến lượt Mandavya giải thích ý tưởng mình qua vần kệ thứ bảy:

*7. Giữ gìn Thánh hạnh các cha ông,  
Là thí chủ ban phát rộng lòng,  
Theo gót xưa, ta đầy cẩn trọng,  
Sinh thời đường lối của gia tông,*

*Sợ mình sẽ biến thành suy thoái,  
Nên miễn cưỡng lòng vẫn biếu không.*

Sau khi nói xong, Mandavya hỏi vợ qua vần kệ thứ tám:

*8. Khi còn thiếu nữ trí ngây thơ,  
Ta cưới bà về tự nhạc gia,  
Bà chẳng bảo lòng ta lãnh đạm  
Làm sao bà sống cả đời bà,  
Không tình gắn bó, không thương mến,  
Bà đã vì đâu ở lại nhà,  
Hỡi quý phu nhân đầy yếu điệu,  
Sống đời lạnh lẽo thế cùng ta.*

Bà vợ đáp qua vần kệ thứ chín:

*9. Chẳng phải là nề nếp cổ phong,  
Cho người làm vợ lại thay chồng,  
Chẳng bao giờ thế, nên tôi vẫn,  
Giữ thói lễ kia, kéo ngại rằng  
Tôi bị người xem là thoái hóa,  
Chính niềm lo sợ tiếng đồn hung,  
Khiến tôi ở lại và chung sống  
Chẳng có tình yêu, vẫn lạnh lùng.*

Sau khi vừa nói điều này ra xong, một ý nghĩ chợt đến với bà: "Nay ta đã nói điều bí mật kia với chồng ta rồi, cái điều bí mật chưa hề bao giờ được nói ra cả! Chắc chàng sẽ giận ta lắm; vậy ta muốn được xin lỗi chàng ngay trước mặt vị ân sĩ này vốn là bạn chân tình của nhà ta!" Với mục đích trên, bà ngâm vần kệ thứ mười:

*10. Giờ đây thiếp lỡ nói rồi,  
Những điều chẳng đáng nên lời nói ra  
Vì con, mong ước thứ tha,  
Không gì hơn được mẹ cha nông tình,  
Yan-na, con của chúng mình  
Trước đây đã chết, hồi sinh bây giờ!*

- Thôi phu nhân hãy đứng dậy đi - Mandavya nói - tôi tha lỗi cho bà rồi. Từ nay bà đừng vô tình với tôi nữa; rồi tôi sẽ không bao giờ buồn phiền gì bà đâu.

Còn Bồ-tát bảo Mandavya:

- Trong khi thu thập được nhiều của cải bất chính, rồi bạn lại phân phát bố thí rộng rãi, song không có lòng tin rằng hành động ấy là hạt giống an lành mang lại dị thực quả, như thế là bạn sai lầm đây. Trong tương lai, bạn hãy tin tưởng vào công đức của lễ vật bố thí, và bạn hãy bố thí cúng dường.

Vị gia chủ hứa làm như vậy, và đến phiên mình nói với Bồ-tát:

- Thừa Tôn giả, chính Tôn giả cũng sai lầm khi nhận lễ vật của chúng tôi cúng dường trên bước đường Thánh hạnh mà lòng không phát nguyện tu hành. Giờ đây để cho hạnh nghiệp của Tôn giả mang lại nhiều phước quả dồi dào, xin từ nay về sau Tôn giả tiến lên trong Thánh đạo với lòng an tịnh thanh thản và tràn đầy thiên lạc.

Rồi hai ông bà già từ bậc Đại sĩ và ra về.

Từ đó về sau, bà vợ thương yêu chồng mình, gia chủ Mandavya giữ tâm thanh tịnh, đem của cải bố thí với đầy đủ lòng tin; còn Bồ-tát xua tan hết lòng thối thất, và tu tập các Thắng trí thiên định nên được sinh lên cõi Phạm thiên.

\*

*Khi Pháp thoại này chấm dứt, Bạc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Bảy giờ vào đoạn kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo thối thất đã được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).*

*Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:*

*- Vào thời ấy Ananda là gia chủ Mandavya; Visàkhà (Tỳ-cá-khư) là bà vợ, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là Mandavya mang-cái-cọc, và Hắc nhân Dìpàyana chính là Ta.*

-ooOoo-



# Chương IV – Sức mạnh chân thật của tự tánh pháp về sự thật hiện có nơi thân, và công đức chân thật của chư Phật trong sự nguyện cầu chân lý

## Chuyện thứ tám: Tự tánh pháp về sự thật hiện hữu nơi thân và Sức mạnh chân thật của chư Phật

(Trích từ chuyện số 35.CHUYỆN CON CHIM CÚT (Tiền thân Vattaka)

*Có cánh không bay được ...,*

*Câu chuyện này, khi đang du hành ở xứ Ma-kiệt-đà, bậc Đạo Sư đã kể về lửa rừng bị dập tắt.. Một thời Thế Tôn đang du hành trong xứ Ma-kiệt-đà. Khi đang đi khát thực trong một làng nhỏ ở Ma-kiệt-đà, sau bữa ăn, trên đường trở về với chúng Tỷ-kheo, Thế Tôn thấy một đám lửa lớn bùng lên. Phía trước và phía sau ngài có nhiều Tỷ-kheo. Ngọn lửa tràn đến, lan rộng, tạo thành một màn khói và một màn lửa. Một số Tỷ-kheo còn là phàm phu, vì sợ chết, liền nói:*

*- Chúng ta hãy tạo nên một đám lửa đối nghịch tại chỗ ngọn lửa đang cháy, ngọn lửa kia sẽ không cháy lan rộng.*

*Rồi với ý định này, họ lấy que làm lửa và đóm lửa được nhen lên. Một số Tỷ-kheo khác nói:*

*- Nay Hiền hỉ, làm gì vậy? Các Hiền giả như những người không thấy mặt trăng đứng giữa hư không, hay vòng tròn mặt trời với ngàn tia sáng mọc lên từ thế giới phương Đông, hoặc đại dương mà chúng ta đang đứng trên bờ. Hoặc các Hiền giả không thấy núi Tu-di khi các Hiền Giả cùng đi với bậc Thượng nhân ở đời này và trên thiên giới. Các Hiền giả không nhìn đến bậc Chánh Đẳng Giác mà chỉ la: Chúng ta hãy tạo nên một ngọn lửa đối nghịch! Các Hiền giả không biết Phật lực. Chúng ta hãy đi lại gần bậc Đạo Sư.*

*Tất cả Tỷ-kheo từ phía trước phía sau đều đi đến gần bậc Đạo Sư, đứng thành một nhóm. Bậc Đạo Sư cùng với chúng Tỷ-kheo đứng trên một khoảng đất. Các ngọn lửa rừng ầm ầm lan đến như muốn nuốt sống tất cả, nhưng khi lan đến chỗ Như*

*Lai đứng, chúng lan xung quanh, không đến gần hơn mười sáu tằm. Nó không có sức mạnh lan rộng một vùng rộng ba mươi hai tằm (1 tằm = 1,8 m).*

*Các Tỷ-kheo nói lên lời tán thán đức hạnh bậc Đạo Sư:*

*- Ôi đức hạnh của chư Phật! Ngọn lửa vô tri này không có thể cháy lan đến chỗ chư Phật đứng, mà bị dập tắt như bó đuốc cỏ trong nước. Ôi, uy lực của chư Phật thật là kỳ diệu!*

*Bậc Đạo Sư, nghe câu chuyện của họ, liền nói:*

*- Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta có sức mạnh khiến ngọn lửa tắt đi, khi cháy đến chỗ đất này. Đây chính là sức mạnh của hạnh chân thật xưa kia Ta đã làm. Chính tại chỗ này, hoàn toàn trong suốt một kiếp, lửa sẽ không đốt cháy. Thần thông này tồn tại suốt một kiếp.*

*Rồi Tôn giả Ananda xếp chiếc áo Tăng-già-lê làm bốn thành tám nệm cho bậc Đạo Sư ngồi. Bậc Đạo Sư ngồi kiết già. Chúng Tỷ-kheo đánh lễ Như Lai, bao vây xung quanh Ngài và ngồi xuống. Các Tỷ-kheo yêu cầu:*

*- Bạch Thế Tôn, chúng con chỉ biết hiện tại, còn quá khứ bị che kín. Mong Thế Tôn làm sáng tỏ vấn đề cho chúng con.*

*Theo lời yêu cầu của họ, bậc Đạo Sư kể câu chuyện quá khứ.*

\*

Thuở xưa, ở nước Ma-kiệt-đà, tại chỗ này, Bồ-tát được tái sanh làm con chim cun cú. Từ cái trứng, con chim con tự mình mổ vỏ và thoát ra, thân hình to bằng trái banh. Cha mẹ đặt nó nằm trong tổ chim, chim mẹ tha đồ ăn về nuôi nó. Tự nó không có sức mạnh để xòe cánh bay giữa hư không, cũng không có sức mạnh giơ chân lên để đi trên đất liền.

Tại chỗ ấy, năm này qua năm khác, lửa rừng thường phát cháy. Trong thời gian này, lửa rừng đang đốt cháy với tiếng gầm thét to lớn. Các đàn chim từ trong tổ bay ra, sợ chết, kêu la, và bay trốn. Cha mẹ Bồ-tát sợ chết, bay trốn bỏ lại Bồ-tát. Bồ-tát nằm trong tổ, ngóc cổ vờn ra, thấy lửa đang cháy lan tới, liền suy nghĩ: "Nếu ta có sức mạnh xòe cánh bay lên hư không, và ta có thể đi đến một chỗ khác; hay nếu ta có sức mạnh giơ chân lên, ta có thể đi bằng chân đến một chỗ khác. Cha mẹ ta, vì sợ chết, đã bỏ ta một mình, đã bỏ chạy để cứu mình. Nay ta không có chỗ nương tựa nào khác. Tự mình không nơi nương tựa, ta phải làm gì đây!".

Ngài lại suy nghĩ: "Trong thế giới này, có công đức, thật sự có công đức. Có những vị trong quá khứ viên mãn thành tựu các hạnh Ba-la-mật, ngồi dưới gốc Bồ-đề, chứng Chánh Đẳng Giác, đầy đủ giới định tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, thành tựu chân lý, lân mẫn từ bi, nhẫn nhục tự tập lòng thân ái, bình đẳng đối với tất cả chúng sanh, những vị Phật Nhất thiết trí. Có những công đức Pháp mà các vị ấy đã chứng đắc. Và ta có được một sự thật: Một tự tánh pháp hiện hữu. Do vậy, ta cần phải niệm các công đức đã được các đức Phật quá khứ chứng đắc, nắm giữ tự tánh pháp về sự thật hiện có nơi ta, làm một hạnh chân đầy lui ngọn lửa, đem lại an toàn cho ta và cho các con chim còn lại". Do vậy, bài kệ này được nói lên:

Ở đời có giới đức,  
Chân thật, tịnh, từ bi,  
Chính với chân thật ấy  
Ta sẽ làm một hạnh,  
Hạnh chân thật vô thượng.  
Hay hướng niệm Pháp lực,  
Niệm chư Phật quá khứ,  
Dựa sức mạnh chân thật,  
Ta làm hạnh chân thật.

Rồi Bồ-tát niệm công đức chư Phật đã nhập Niết-bàn trong quá khứ, nhân danh tánh chân thật hiện có trên tự thân, làm một hạnh chân thật, và đọc bài kệ:

Có cánh không bay được,  
Có chân không thể đi,  
Cha mẹ đã bỏ ta,  
Hồi lửa, hãy đi lui!

Khi Bồ-tát nói sự thật ấy, ngọn lửa đi trở lui khoảng mười sáu tầm (1 tầm = 1,8 m). Khi trở lui như vậy, lửa không đốt cháy khu rừng nó đi ngang qua và được dập tắt tại chỗ ấy, như bó đuốc nhúng vào nước. Do vậy, bài kệ được nói như sau:

Ta làm hạnh chân thật,  
Màn lửa lớn lửa ngọn.  
Đi lui mười sáu tầm  
Như ngọn đuốc gặp nước.

Trong suốt kiếp này, chỗ ấy không bị lửa đốt cháy, được gọi là thần thông tại trong một kiếp. Như vậy, Bồ-tát đã làm hạnh chân thật, và khi mạng chung, ngài đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo Sư nói:

- Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta có sức mạnh không cho ngọn lửa cháy đến khu rừng này, mà thời xưa, khi làm chim cun cút con, Ta đã có sức mạnh của một hạnh chân thật.

\*

*Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo Sư thuyết giảng các Sự thật. Cuối bài giảng, một số người chứng quả Dự lưu, một số người chứng quả Bất Lai, một số người chứng quả A-la-hán. Bậc Đạo Sư, kết hợp hai mẫu chuyện, và nhận diện Tiền thân như sau:*

- Thời ấy, cha mẹ của ta hiện tại là cha mẹ ta trong quá khứ, còn vua loài cun cút là Ta vậy.

-ooOoo-

## **Chương V – Sức mạnh chân thật của nguyện cầu và sự kiên định/quyết tâm kiên cố**

### **Chuyện thứ chín: Nguyên lực chân lý về sự kiên định bố thí đôi mắt được thiên nhãn**

(Trích từ chuyện số 499- Chuyện Đại Vương Sivi (Tiền thân Sivi))

#### ***Nếu thí tài gì thuộc thế nhân....***

*Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về lễ vật cúng dường tối thượng.*

*Trường hợp này đã được kể đầy đủ trong Chương VIII ở số 424. Tiền thân Savira. Song tại đây vào ngày thứ bảy, vua dâng đủ tất cả vật cúng dường và thỉnh cầu lời tùy hỷ; tuy nhiên, bậc Đạo Sư ra đi mà không tán thán công đức của vua. Sau buổi điếm tâm, vua đi đến tịnh xá và hỏi:*

- *Bạch Thế Tôn, vì có gì Thế Tôn không đáp lời tùy hỷ hôm ấy?*

*Bạch Đạo Sư nói:*

- *Thưa Đại vương, hội chúng kia không thanh tịnh.*

*Ngài lại tiếp tục thuyết Pháp, ngâm vắn kệ bắt đầu bằng câu: "Người hạ tiện sẽ không lên Thiên giới (Pháp cú 177)".*

*Vua đầy hoan hỷ bày tỏ lòng tôn kính đối với đức Như Lai bằng cách dâng chiếc thượng y của xứ Sivi trị giá một ngàn đồng tiền; sau đó vua trở về thành.*

*Ngày hôm sau trong Chánh pháp đường, Tăng chúng nói về chuyện ấy:*

- *Này các Hiền giả, vua Kosala đã cúng dường lễ vật tối thượng, và chưa hài lòng với việc ấy, nên sau khi lắng Thập Lực thuyết giáo cho vua ấy, vua liền dâng chiếc y của xứ Sivi trị giá cả một ngàn đồng tiền vàng! Quả thật vua không hề thỏa mãn với việc cúng dường!*

*Bạch Đạo Sư bước vào, và hỏi các vị đang bàn việc gì khi ngồi đó. Tăng chúng trình với Ngài. Ngài bảo:*

- *Này các Tỳ kheo, bố thí ngoại tài quả thật là điều có thể thỏa đáng được, song các bậc trí nhân ngày xưa đã bố thí cho đến khi khắp cả Diêm phù đề đều vang danh lừng lẫy, mỗi ngày bố thí cả sáu trăm ngàn đồng tiền, vẫn chưa thỏa mãn với việc bố thí ngoại tài, và nhớ lại câu phương ngôn: "Hãy đem cho cái gì ta yêu quý nhất và từ tâm sẽ sinh khởi", cho nên các vị ấy đã móc đôi mắt mình ra tặng những kẻ nào đòi xin chúng.*

*Cùng với những lời này; Ngài kể một chuyện quá khứ.*

\*

Một thuở nọ, khi đại đế Sivi cai trị tại kinh thành Aritthapura trong quốc độ Sivi. Bạch Đại Sĩ sinh ra làm vương tử. Triều thần đặt tên ngài là Vương tử Sivi. Khi ngài lớn lên, ngài đi đến Takkasikà học tập tại đó, xong trở về chứng tỏ tài năng kiến thức của ngài trước vua cha nên được phong làm phó vương.

Lúc phụ vương băng hà, ngài lên ngôi vua và từ bỏ các ác đạo, ngài hành trì Thập vương pháp và trị dân rất chân chánh. Ngài truyền xây sáu bố thí đường tại bốn cổng thành, giữa kinh thành và ngay cửa cung của ngài. Ngài bố thí rất hào phóng

mỗi ngày sáu trăm ngàn đồng tiền vào các ngày mồng tám, mười bốn và ngày rằm, ngài chẳng hề quên thăm viếng các bố thí đường để xem xét bố thí được thực hành ra sao.

Vào một ngày trăng tròn kia, chiếc lọng hoàng gia đã được giương lên từ sáng sớm và ngài ngự trên ngai vàng suy ngẫm về các thí vật ngài đã ban phát. Ngài tự nghĩ: "Trong tất cả các tài vật bên ngoài, chẳng có món gì ta không đem cho hết, song cách bố thí này chưa làm ta hài lòng. Ta muốn bố thí vật gì thuộc về bản thân ta. Được rồi hôm nay ta đến bố thí đường phát nguyện rằng nếu có người nào không xin một vật gì đó ngoài thân ta, lại nói rõ tên một phần thân thể ta, nếu người ấy muốn nói đến chính quả tim ta, ta sẽ quyết lấy dao xẻ phăng lồng ngực ta và chẳng khác nào ta nhổ lên một cộng sen từ hồ nước phẳng lặng, ta sẽ móc lấy quả tim ta đang chảy máu từng cục đem cho người ấy.

Nếu người ấy muốn xin thịt ta, ta sẽ xẻ thịt ra từ thân thể và cho nó, như thế ta dùng cái dao mà khắc chạm tám thân này. Người đó cứ nói đến máu của ta, ta sẽ lấy máu ta nhỏ từng giọt vào miệng người đó, hoặc đổ đầy một chén rồi đem cho, hoặc nữa, giả sử có ai bảo: "Hạ thần không làm nổi việc nhà, xin hãy đến làm gia nô tại nhà hạ thần", ta nhận mình là nô lệ và ta sẽ làm hết các việc nô dịch. Hoặc giả có ai đó xin đôi mắt ta, ta sẽ móc mắt ra cho nó như người ta lấy lõi của cây dừa nước". Ngài nghĩ thâm như vậy:

*Nếu thí tài gì thuộc thể nhân,  
Dẫu là đôi mắt, chẳng hề ban,  
Giờ đây ta sẽ đem ban bố,  
Lòng chẳng hối kinh, thật vững vàng.*

Thế rồi ngài tắm mình với mười sáu bình nước hoa thơm và trang sức cực kỳ long lẫy và sau một buổi cơm đầy cao lương mỹ vị, ngài ngự lên một con voi được tô điểm cân đai rất rực rỡ đưa ngài đến đại bố thí đường.

Khi Sakka ( Đế Thích) Thiên chủ nhận thấy quyết tâm của ngài liền suy nghĩ: "Vua Sivi đã cương quyết đem đôi mắt ngài bố thí cho kẻ nào ngẫu nhiên đến xin ngài. Thế ngài có đủ hùng lực để thực hiện việc đó hay chăng?"

Thiên chủ quyết định đi thử thách ngài, nên giả dạng một Bà la môn già mù mắt, Thiên chủ đứng trên một chỗ cao, khi đức vua bước vào bố thí đường, Thiên chủ đưa tay ra, kêu lớn:

- Vạn tuế Đại vương!

Lúc ấy vua lái vương tượng về phía Thiên chủ, phán bảo:

- Này Bà la môn ông nói gì vậy?

Thiên chủ đáp:

- Tàu Đại vương, trên cõi thế gian này không nơi nào không vang dậy phương danh về từ tâm hào phóng bố thí của Đại Vương. Nay lão đã mù lòa, còn Đại vương có đủ hai mắt.

Rồi Thiên chủ ngâm vần kệ đầu để xin một con mắt;

*1- Chẳng có mắt, nên chính lão già,  
Đến xin con mắt, tự phương xa,  
Lão cầu Chúa thượng ban con mắt  
Một mắt cùng nhau mỗi chúng ta.*

Khi bậc Đại Sĩ nghe lời này, ngài suy nghĩ: " Chính đó là chuyện mà ta suy nghĩ ở hậu cung trước khi ta đến đây kia! Ô cơ duyên đến mới tuyệt diệu làm sao chứ! Tâm nguyện của ta hôm nay sẽ được thành tựu, ta sẽ bố thí một tài vật mà chưa một người thế tục nào từng ban phát", và ngài ngâm vần kệ thứ hai:

*2- Ai đã dạy ông bước đến đây,  
Để xin một mắt, lão ăn mày?  
Đây phần thân thể người cao trọng,  
Chúng bảo xa lìa khó lắm thay!*

Các vần kệ sau là do hai vị ngâm để đối đáp với nhau:

Lão Bà la môn:

*3- Su-ja Phu tướng, chính nơi đây,  
Người gọi Ma-gha cũng hiệu này,  
Ngài dạy lão về đây yết kiến,  
Van nài cho được một mắt ngay.*

*4- Thí tài tối trọng đại, mong cầu  
Chúa thượng ban già một bảo châu,  
Xin chớ chối từ già một mắt,  
Thí tài tối trọng, đừng hàng đầu,*

*Như lời thề tục thường hay nói:  
"Thật khó cho người dứt bỏ sao!"*

Vua Sivi:

*5- Ước nguyện làm ông đến tận đây  
Trong lòng ông khởi ước như vậy,  
Cầu mong nguyện ước kia thành tựu,  
Đạo sĩ, cầm đôi mắt trầm này!*

*6- Ông chỉ xin ta một mắt thôi,  
Nhìn xem! Ta bố thí tròn đôi!  
Hãy đi với nhãn quang hoàn hảo  
Trước mắt nhìn theo của mọi người,  
Vây ước nguyện ông mong thực hiện  
Giờ đây hẳn đã đạt thành rồi!*

Đức vua đã nói nhiều như thế. Song nghĩ rằng nếu ngài tự móc mắt của mình ra mà tặng ngay tại đó, vào lúc ấy, thì không thích hợp, nên ngài đem vị Ba la môn cùng vào nội cung với ngài, và khi ngự lên ngai vàng, ngài truyền lệnh triệu một vị phẩu thuật sư tên là Sivaka vào châu. Rồi ngài phán:

- Khanh hãy lấy mắt trầm ra.

Lúc bấy giờ cả kinh thành vang dậy nguồn tin rằng đức vua muốn cắt đôi mắt ngài ra để bố thí cho một lão Bà la môn. Sau đó vị đại tướng quân cùng với các viên quan khác và mọi người thân thuộc của vua, từ trong kinh thành lẫn hậu cung đều tề tựu cùng nhau và ngâm ba vần kệ để xin vua từ bỏ ý định trên:

*7- Xin đừng cho mắt, tâu Minh quân!  
Chúa thượng ôi, đừng bỏ chúng thần!  
Bố thí san hô, tiền, bảo ngọc,  
Và nhiều vật khác quý vô ngần.*

*8- Cho bày tuần mã đủ yên cương,  
Bảo kéo đoàn xa giá xuống đường,  
Chúa thượng truyền xua đoàn bảo tượng  
Cân đai tuyệt mỹ rất toàn vàng.*

*9- Các vật này xin Chúa thượng ban,  
Chúng thần mong hộ chúa bình an,*



*Toàn dân trung tín cùng xa pháp,  
Tề tựu quanh vương vị xếp hàng.*

Vua lập tức đáp lời, ngâm ba vần kệ:

*10- Tâm kẻ muốn ban bố, phát nguyên,  
Về sau lại thấy chẳng trung kiên,  
Cổ mình tự đặt vào thòng lọng  
Che dấu nằm sâu dưới đất liền.*

*11- Tâm nào đã thệ nguyện thi ân,  
Sau lại thấy lòng chẳng thủy chung,  
Thật lỗi lầm hơn là tội ác,  
Phải đầy đọa ngục Dạ ma cung.*

*12- Đừng cho gì nếu chẳng ai xin,  
Cũng chớ cho ai thứ chẳng thềm,  
Vật này đây hành khát muốn  
Cầu xin, trẫm bố thí ngay liền.*

Lúc ấy triều thần vừa hỏi:

- Vậy Chúa thượng ước nguyện điều gì khi bố thí cặp mắt của Chúa thượng?

Họ vừa ngâm vần kệ:

*13- Thọ mạng, sắc, quyền lực, lạc hoan,  
Đâu là phần thưởng, tâu Minh quân?  
Lực nào thúc dục Ngài hành động,  
Chúa thượng Sivi của quốc dân,  
Sao lợi gì cho đời kẻ vậy,  
Ngài đành bỏ cặp mắt mình vàng?*

Vua đáp hội chúng qua vần kệ:

*14- Như vậy, trong khi muốn cúng dường,  
Đích ta chẳng nhằm đạt vinh quang,  
Nhiều con, nhiều cửa, nhiều vương quốc,  
Để nắm quyền cai trị thế gian.  
Đây chính là con đường Thánh thiện,  
Từ xưa của các bậc Hiền nhân;*

*Tâm ta nồng nhiệt hằng mong ước  
Dem mọi thí tài để phát ban.*

Trước lời lẽ của bậc Đại sĩ, quần thần không đáp được nữa, vì thế bậc Đại sĩ ngâm kệ bảo Sivaka, vị phẩu thuật sư:

*15- Bạn hiền, chí thiết, Sivaka,  
Xin hãy làm theo lệnh của ta,  
Bạn có đầy tài năng kỹ xảo,  
Xin đem liền cặp mắt ta ra,  
Vì đây là chính điều tâm nguyện,  
Và tặng vào tay khát sĩ già.*

Song Sivaka đáp:

- Tâu Chúa thượng, xin Chúa thượng suy nghĩ lại. Đem cho cặp mắt không phải là chuyện tầm thường đâu!

- Này Sivaka, trăm đã suy xét kỹ rồi. Xin đừng trì hoãn hay nói chuyện gì nhiều trước mặt trăm nữa.

Lúc ấy Sivaka suy nghĩ: "Một phẩu thuật sư như ta lại lấy lưỡi dao đâm thủng cặp mắt một bậc quân vương thật chẳng hợp lý tí nào". Vì vậy vị ấy giã một ít cây thuốc, chà xát một đoá sen xanh với thứ bột ấy rồi xoa khắp lên mắt phải của vua; con mắt liền đảo lộn tròn, hết sức đau đớn.

- Tâu Đại vương, xin ngài hãy suy nghĩ kỹ, hạ thần có thể làm cho mắt bình phục được ngay.

- Này hiền hữu, cứ làm tiếp đi, xin đừng trì hoãn nữa.

Vị ấy lại xát thứ bột kia vào mắt và xoa bóp cho thuốc thấm: con mắt bật ra khỏi lỗ, nổi đau đớn lại càng khốc liệt hơn trước nữa.

- Tâu Đại vương, xin ngài hãy suy nghĩ lại, hạ thần vẫn có khả năng phục hồi con mắt ngài như cũ.

- Khanh hãy làm việc nhanh lên!

Lần thứ ba, vị phẫu thuật sư xoa một thứ bột mạnh hơn nữa và xát vào; nhờ công hiệu của thuốc này, con mắt đảo lộn và lặn ra ngoài lỗ mắt, dính lủng lẳng ở đầu sợi dây gân.

- Tâu Đại vương, xin ngài hãy suy nghĩ lần nữa, nay hạ thân vẫn có thể phục hồi con mắt lại như trước.

- Thôi nhanh lên.

Nỗi đau đớn đến tột độ, máu chảy từng giọt, hoàng bào của vua vấy toàn máu đỏ. Đám cung tần cùng triều thần quỳ xuống kêu van:

- Tâu Chúa thượng, xin đừng hy sinh đôi mắt của Chúa thượng.

Cả đám người kêu gào thảm thiết. Vua cố chịu đựng đau đớn và bảo:

- Nay hiền hữu, hãy nhanh lên.

- Xin vâng, tâu Chúa thượng.

Phẫu thuật sư đáp, tay trái cầm lấy tròng mắt, tay phải cầm dao cắt đứt sợi gân và đặt con mắt vào bậc Đại Sĩ.

Ngài nhìn con mắt phải ấy bằng mắt trái vừa cố chịu đau vừa phán:

- Nay Bà la môn hãy đến đây.

Khi vị Bà la môn đến gần, ngài nói tiếp:

- Nhãn quang Chánh giác còn thân thiết hơn nhãn quang này cả trăm lần, à không, cả ngàn lần kia. Đây, các người đã hiểu lý do trầm hành động như vậy.

Rồi ngài trao mắt cho vị Bà la môn, lão liền đưa tay ra đón lấy mắt đặt ngay vào chỗ mắt mình. Nhờ thần lực của vị ấy, con mắt dính chặt vào đó chẳng khác nào đoá sen xanh nở ra.

Khi bậc Đại Sĩ dùng mắt trái nhìn thấy con mắt kia trên mặt của vị Bà la môn, ngài kêu lớn:

- Ôi tốt lành thay là việc bố thí con mắt này của ta.

Rồi nổi hân hoan sinh khởi trong tâm ngài làm rung động toàn thân ngay giây phút ấy, ngài lại bố thí luôn con mắt kia. Đế Thích Thiên chủ cũng đặt con mắt này vào lỗ mắt của mình và từ cung vua, Thiên chủ ra đi, sau đó rời kinh thành trước ánh mắt kinh ngạc của mọi người nhìn theo, rồi trở về Thiên giới.

Để giải thích việc này, bậc Đại Sĩ ngâm một vần kệ rưới:

*16- Si vì chúa tể giục Si va  
Hoàn tất tâm nguyện của đức vua,  
Trao tặng Bà la môn tài thí vật,  
Y sư lấy cặp mắt ngài ra,  
Bà la môn có liền đôi mắt,  
Chúa thượng giờ đây phải tối lòa.*

\*

Chẳng bao lâu, đôi mắt vua bắt đầu mọc lại, trong lúc chúng xuất hiện từ từ, và trước khi lên đến đỉnh cao của hai lỗ mắt, một cục thịt lớn dần bên trong lỗ như thể trái cầu bằng lông thú, tựa hồ đôi mắt trên hình đĩa trẻ nhồi bông, song nổi đau đớn đã chấm dứt. Bậc Đại Sĩ an nghỉ trong cung thất ít ngày.

Sau đó ngài suy nghĩ: "Một kẻ mù lòa còn dính líu gì đến việc trị nước nữa. Ta muốn giao quốc độ cho các triều thần, rồi vào ngự viên thành kẻ khổ hạnh, sống đời thanh tịnh".

Ngài liền triệu tập quần thần, nói cho hội chúng nghe những việc ngài dự định làm. Ngài phán:

- Một người sẽ ở bên ta để rửa mặt, chăm sóc ta làm những gì cần thiết và phải buộc một sợi dây để dắt ta đi về nơi ẩn dật.

Sau đó ngài truyền gọi viên quan lái xe của ngài đến và ra lệnh cho người ấy chuẩn bị vương xa. Song triều thần không muốn ngài ra đi bằng xe ngựa, họ đưa ngài lên đường trong chiếc kiệu bằng vàng và đặt ngài xuống bên cạnh bờ hồ, đứng vây quanh ngài, canh phòng cẩn thận xong lại ra về. Còn vua ngồi trong kiệu suy nghĩ đến việc bố thí của mình.

Lúc ấy chiếc ngai của Sakka (Đế Thích) Thiên chủ nóng rực lên. Thiên chủ xem xét và nhận thấy lý do kia: "Ta sẽ ban thưởng vua một điều ước", ngài suy nghĩ, "và làm đôi mắt của vua bình phục trở lại".

Vì thế Thiên chủ đến chỗ ấy. Khi không còn cách xa bậc Đại Sĩ mấy, Thiên chủ cất bước đi đi lại lại quanh đó.

\*

Để giải thích việc này, bậc Đạo Sư ngâm các vần kệ sau:

*17- Vài ngày qua cặp mắt vừa lành,  
Bình phục dần nên lại hiện hình,  
Đại đế Sivi nuôi quốc độ  
Triệu quan điều ngự của riêng mình;*

*18- "Ngự quan, chuẩn bị chiếc vương xa,  
Rời đến đây trình báo với ta,  
Ta muốn vào khu rừng, thượng uyển,  
Đầy hồ sen sủng mọc chen hoa".*

*19- Quan đặt vua vào chiếc kiệu hoa,  
Và đây, dừng kiệu ở bên bờ,  
Su-ja Phu tướng, ngài Thiên chủ,  
Xuất hiện, chính là Đại Sakka.*

- Ai đó?

Bậc Đại Sĩ kêu lên khi ngài nghe tiếng bước chân kia. Để Thích Thiên chủ liền ngâm vần kệ:

*20- Chính ta là Thượng đế Sakka,  
Ta đến đây tham kiến nhà vua,  
Hãy chọn hồng ân, này Thánh chúa,  
Điều gì ngài ước, nói cùng ta.*

Vua đáp lời qua vần kệ khác:

*21- Sinh lực, kho vô tận, bảo châu,  
Ta đều bỏ lại hết đằng sau,  
Thiên hoàng, ta chẳng mong gì nữa  
Trừ chết, vì ta có mất đâu!*

Sau đó Thiên chủ hỏi:

- Nay Đại vương Sivi, ngài cầu mong cái chết vì ngài muốn chết hay vì ngài mù lòa?

- Tâu Thiên chủ, vì ta mù lòa.

- Nay Đại vương, tài vật bố thí tự nó không phải là hoàn toàn đầy đủ ý nghĩa, mà nó phải được bố thí với một cái nhìn hướng về đời sau. Tuy thế, vẫn còn có duyên có liên quan đến cuộc đời hiện tại này. Trước đây, người kia xin ngài chỉ một mắt, ngài lại cho cả hai, vậy ngài hãy phát nguyện nói lời Chân thật về việc đó.

Rồi Thiên chủ ngâm kệ:

*22- Chúa tể của loài lưỡng túc nhân,  
Hãy nguyện nói đúng lẽ toàn chân,  
Nếu ngài tuyên bố lời chân thật,  
Đôi mắt ngài nay sẽ phục hoàn.*

Nghe lời này, bậc Đại sĩ đáp:

- Tâu Thiên chủ, nếu ngài muốn ban cho trăm con mắt thì xin đừng cố tìm phương tiện gì khác nữa, mà hãy làm cho mắt trăm phục hồi như là kết quả hạnh bố thí của trăm thôi.

Thiên chủ bảo:

- Nay Đại Vương, dù ta được chúng gọi là Đế Thích, Chúa tể chư Thiên, ta cũng không thể đem con mắt cho ai được cả; tuy thế, nhờ thiện quả từ hạnh bố thí của Đại vương, chứ chẳng phải do việc gì khác, mà mắt của Đại vương sẽ được phục hồi đó thôi.

Tiếp theo, vua ngâm kệ xác nhận việc bố thí của mình đã được thực hiện tốt đẹp chân chánh:

*23- Loài nào bất kể, muốn cầu ân,  
Hãy có ai nài nỉ lại gần,  
Ai đến bất kỳ, xin bố thí,  
Lòng ta cũng thấy thật thương thân.  
Nếu lời Đại nguyện này chân thật,  
Cầu mắt ta nay sẽ hiện dần.*

Ngay khi ngài vừa thốt những lời này, một con mắt của ngài xuất hiện ra trong lỗ mắt. Sau đó ngài ngậm đôi vầng kế để xin phục hồi con mắt kia:

*24-Một đạo sĩ kia đến viếng ta,  
Chỉ cần xin một mắt thôi mà,  
Ta đã đem trọn đôi con mắt,  
Bố thí La môn khát sĩ già.*

*25- Hoan hỉ càng nhiều, lạc thọ tăng,  
Chính hành động ấy đã ban phần,  
Nếu lời Nguyên ước này Chân thật,  
Mong được mắt kia cũng phục hoàn.*

Lập tức con mắt thứ hai xuất hiện, song đôi mắt này không phải là tự nhiên hay của thần linh nào. Con mắt do Đế Thích Thiên chủ giả dạng Ba la môn ban cho, không thể là con mắt tự nhiên mà có được, ta phải hiểu như vậy; còn về phương diện khác, thì một con mắt thần linh không thể hóa hiện ra bất cứ sinh vật nào đã bị thương tật. Nhưng thật sự cặp mắt này được gọi là Nhân quang Toàn chân và Tối thắng.

Vào lúc chúng xuất hiện, toàn thể triều thần tề tựu lại nhờ thần lực của Đế Thích Thiên chủ; và Đế Thích Thiên chủ đứng giữa hội chúng, cảm hứng ngậm đôi vầng kế tán thán đức vua:

*26- Đại đế Sivi bảo dưỡng dân!  
Bài ca thánh thiện của Minh quân  
Cho ngài được hưởng phần ân huệ  
Vô giá này, đây cặp mắt thần.*

*27- Xuyên qua tường, núi, đá, đồng bằng,  
Bất cứ vật gì đứng cản ngăn,  
Đôi mắt ngài đây đều thấy suốt  
Khoảng chừng trăm dặm ở mười phương.*

Khi ngậm kế xong, ngài vụt đứng trên không trước hội chúng này cùng với lời khuyên giáo bậc Đại Sĩ phải tỉnh giác tu tập, rồi Thiên chủ trở về Thiên giới.

Còn bậc Đại Sĩ được đám tùy tùng vây quanh, ngự xa giá về kinh thành trong cảnh uy nghi trọng thể và ngài bước vào cung điện mệnh danh Candaka hay Khổng tước Nhân (Con mắt chim công)

Nguồn tin đức vua đã được phục hồi cặp mắt vang dậy khắp vương quốc Sivi. Toàn dân tập hợp lại để yết kiến ngài cùng với các cống vật trong tay. Bậc Đại Sĩ suy nghĩ: "Giờ đây hội chúng này đã tụ họp đông đủ, ta sẽ tán thán việc bố thí vừa rồi đã làm". Ngài truyền lệnh dựng lên một ngôi đình ngay cổng thành, nơi đó ngài ngự trên một vương tọa với chiếc lọng trắng hoàng gia che trên đầu ngài, triệu tập các hội đoàn, dân chúng, quân sĩ lại; rồi ngài phán:

- Nay dân chúng Sivi, nay các người đã nhìn thấy cặp thiên nhãn này thì đừng có bao giờ ăn thứ gì mà không đem bố thí đi một ít!

Rồi ngài ngâm bốn vần kệ tuyên thuyết Pháp lành:

*28. Nếu mình được gọi ý thi ân,  
Nào ai có từ chối được chẳng,  
Dù đó là phần cao quý nhất,  
Của mình, bảo vật giá vô ngần*

*29- Dân chúng Sivi hội họp đoàn,  
Đến đây, nhìn cặp mắt trời ban!  
Xuyên qua tường đá, đồi, thung lũng  
Bất cứ vật gì đứng cản ngăn  
Đôi mắt ta đều trông thấy suốt  
Một trăm dặm trải khắp mười phương*

*30- Từ bỏ thân mình giữa thế nhân  
Là điều cao quý nhất trên trần,  
Ta đem bố thí mắt phàm tục,  
Nên được trời cho cặp mắt thần.*

*31- Dân chúng này xem, hãy phát ban,  
Nhường phần cho kẻ khác khi ăn,  
Nếu làm việc ấy đầy tâm thiện,  
Người sẽ sinh thiên chẳng lỗi lầm.*

Đức vua thuyết Pháp qua bốn vần kệ này, và về sau cứ mỗi nửa tháng, vào ngày Trai giới, và mỗi ngày rằm ngài lại thuyết Pháp qua các vần kệ trên liên tục trước đám dân chúng đông đảo vây quanh. Nghe lời ấy, dân chúng bố thí và làm nhiều thiện sự, cho nên đã đi lên gia nhập hội chúng cõi trời thật đông đúc.

\*



*Sau khi bậc Đạo Sư chấm dứt Pháp thoại này Ngài bảo:*

*- Như vậy, này các Tỷ kheo, các bậc trí nhân ngày xưa không thỏa mãn việc bố thí ngoại tài, nên đã bố thí cho bất cứ người nào ngẫu nhiên đến xin chính cả đôi mắt của mình lấy từ đầu ra nữa.*

*Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:*

*- Vào thời ấy Ananda là phẩu thuật sư Sivaka, Anuruddha (A-na-luật-đà) là Thiên chủ Đế Thích, hội chúng của đức Phật là toàn dân và Ta chính là vua Sivi.*

-ooOoo-

## **Chuyện thứ mười – Sức mạnh của sự kiên quyết trong việc nói lên sự thật xấu xa**

(Trích từ chuyện số 431. Chuyện Nam Tử Hàrita (Tiền thân Hàrita))

*Ngài suy nghĩ: "Nếu ta nói ta không phạm tội lỗi, vị vua này sẽ tin ta, **nhưng trên thế gian này, không có một căn cứ nào vững chắc bằng nói sự thật.** Người nào từ bỏ sự thật, dù ngồi trong Bồ-đề đạo tràng linh thiêng cũng không để đạt quả Phật. Vậy ta cần nói sự thật".*

***Hà-ri Hiền hữu, trầm nghe rằng...,***

*Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo bất mãn.*

*Bấy giờ Tỷ-kheo này trở nên bất mãn sau khi nhìn thấy một nữ nhân phục sức lộng lẫy nên cứ để cho lông tóc, móng tay chân dài ra, và muốn hoàn tục. Khi ông miến cưỡng bị các vị giáo thọ và giám hộ đưa đi yết kiến bậc Đạo Sư, và được Ngài hỏi xem có đúng là ông thối thất chăng, và tại sao như vậy, ông đáp:*

*- Thừa vâng, bạch Thế Tôn, chính vì uy lực của dục tham, sau khi nhìn thấy một nữ nhân xinh đẹp.*

*Bậc Đạo Sư bảo:*

- Nay Tỷ-kheo, tham dục huỷ hoại công đức, hơn nữa, rất đáng nhàm chán, nó làm cho con người tái sinh vào địa ngục; thế thì sao tham dục này lại không đưa đến sự suy tàn của ông? Bởi vì trận cuồng phong vùi dập đỉnh núi Sineru (Tu-di) vẫn không ngăn ngại cuốn đi một ngọn lá khô héo. Chính vì tham dục này, những người thực hành theo trí thức và trí tuệ, đã đắc năm Thắng trí và tám Thiền chứng, dầu là Thánh nhân vĩ đại, vẫn không đủ khả năng ổn định tâm tư nên sa đoạ đánh mất Thiền lực vì diệu.

Rồi ngài kể một chuyện quá khứ.

\*

Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh ở một làng trong một gia đình Bà-la-môn có tài sản đến tám triệu đồng, và do màu vàng ánh của ngài, cha mẹ đặt tên ngài là Harittacakumàra (Nam tử Kim sắc). Khi lớn khôn, và đã được giáo dục tại Takkasila, ngài trở thành người gia chủ. Vừa khi cha mẹ từ trần, ngài đi thanh tra đủ các kho báu của mình và suy nghĩ: "Tài sản kho báu tiếp tục tồn tại, còn những người tạo ra nó lại mất cả rồi. Ta cũng tan thành tro bụi khi chết".

Như vậy do nỗi sợ chết báo động, ngài thực hành đại bố thí, rồi vào vùng Tuyết Sơn sống đời tu hành, đến ngày thứ bảy ngài thành tựu các Thắng trí và các Thiền chứng. Ngài sống ở đó một thời gian bằng củ quả rừng, rồi xuống núi tìm muối và dấm, dần dần ngài đến tận Ba-la-nại.

Ngài sống trong ngục viên và ngày hôm sau, khi khát thực ngài đến cửa cung vua. Vua rất hoan hỷ khi thấy ngài nên đã truyền mời ngài vào ngồi trên vương toạ dưới bóng mát của chiếc Lọng trắng và cúng dường ngài đủ thứ cao lương mỹ vị.

Khi lời nói lời tùy hỷ công đức, vua vô cùng đẹp ý hỏi:

- Bạch Tôn giả, ngài sắp đi đâu?
- Tàu Đại vương, chúng tôi tìm một nơi an cư mùa mưa.
- Thế thì tốt lắm, bạch tôn giả. Vua bảo.

Rồi sau buổi điểm tâm, vua cùng đi với ngài đến ngục viên, truyền dựng am thất ban ngày lẫn bandê-m cho ngài ở, chỉ định người giữ ngục viên làm hầu cận của

ngài, rồi vua kính chào ngài ra về. Từ đó bậc Đại Sĩ thường xuyên ăn uống ở cung vua và sống tại nơi ấy suốt mười hai năm liền.

Một hôm, vua đi dẹp loạn ở biên giới, nên đã giao phó hoàng hậu chăm sóc Bồ-tát, và bảo bà:

- Đừng xao lãng việc phụng sự "Phước điền" của chúng ta.

Từ đó trở về sau, hoàng hậu tự tay phục vụ bậc Đại Sĩ rất chu đáo.

Một hôm, hoàng hậu đã chuẩn bị thực phẩm của ngài xong, và vì ngài đến muộn, nên bà đi tắm nước hương thơm ngát, choàng chiếc y bằng lụa mỏng manh mềm mại, rồi mở cửa thượng lầu nằm xuống một vương sàng nhỏ để cho gió lùa trên thân thể bà.

Sau đó, Bồ-tát đắp hạ y và thượng y, cầm bình bát, du hành qua không gian đi vào cửa sổ ấy. Khi hoàng hậu vội vàng đứng dậy vì nghe tiếng sột soạt của các tấm y bằng vỏ cây trên thân ngài, chiếc y bằng lụa mỏng rơi khỏi người bà. Một đối tượng lạ thường đập vào mắt bậc Đại Sĩ. Rồi một dục tướng đã ẩn trong tâm ngài từ vô lượng kiếp, chợt bùng dậy như một con rắn nằm trong hộp, xua tan thiền lực của ngài.

Rồi không đủ khả năng ổn định tư tưởng, ngài đến chụp lấy hoàng hậu bằng đôi tay và hai vị lập tức kéo màn che phủ quanh người. Sau khi đã phạm tà dục với bà, ngài thọ thực và trở về ngự viên. Từ đó về sau, ngày nào ngài cũng đến làm như vậy.

Tà hạnh của ngài vang dậy khắp kinh thành. Các cận thần của vua dâng sớ tâu trình vua: "Nhà khổ hạnh Hārīta đang hành động như vậy như vậy".

Vua suy nghĩ: "Họ nói như vậy để ly gián chúng ta" và vua không tin chuyện ấy.

Khi vua đã bình định vùng biên địa xong, liền trở về Ba-la-nại và sau buổi diễn binh oai nghi khắp kinh thành, vua đến gặp hoàng hậu và hỏi:

- Có thật Thánh nhân khổ hạnh Hārīta đã phạm tà dục với ái hậu chăng?

- Tâu Chúa thượng, quả đúng vậy.

Vua vẫn không tin lời bà và suy nghĩ. "Ta sẽ hỏi chính vị ấy". Rồi đi đến ngự viên, vua vái chào ngài, ngồi kính cẩn một bên và ngâm vãn kệ đầu để hỏi chuyện:

*1. Hà-ri Hiền hữu, trẫm nghe rằng  
Tôn giả nay đang sống lỗi lầm,  
Trẫm chẳng tin lời đồn đại ấy,  
Ngài không phạm tội ý, thân chẳng?*

Ngài suy nghĩ: "Nếu ta nói ta không phạm tội lỗi, vị vua này sẽ tin ta, nhưng trên thế gian này, không có một căn cứ nào vững chắc bằng nói sự thật. Người nào từ bỏ sự thật, dù ngồi trong Bồ-đề đạo tràng linh thiêng cũng không để đạt quả Phật. Vậy ta cần nói sự thật".

Trong vài trường hợp, một vị Bồ-tát có thể sát sinh, lấy của không cho, phạm tà dục và uống rượu nồng, nhưng vị ấy không được nói dối đi kèm với sự lừa phỉnh vi phạm chân lý của vạn vật. Vì thế ngài ngâm vãn kệ thứ hai chỉ nói lên sự thật:

*2. Ta phạm ác hành, hối Đại vương,  
Đúng như Ngài đã được nghe rằng  
Mắc vào tà thuật trong trần thế,  
Ta đã đi sai lạc bước đường.*

Nghe vậy, vua ngâm vãn kệ thứ ba:

*3. Trí tuệ uyên thâm của thế nhân  
Hoài công vô ích, chẳng xua tan  
Dục tham bùng dậy trong lòng dạ  
Của bậc trí nhân đã lạc đường.*

Sau đó Hàrita nêu rõ cho vua thấy uy lực của dục tham qua vãn kệ thứ tư:

*4. Bốn ác dục này ở thế gian  
Uy quyền lấn áp cứ lan tràn:  
Tham, sân, vô độ và si ám,  
Tri kiến không sao đứng vững vàng.*

Vua nghe liền ngâm vãn kệ thứ năm:

*5. Thánh hạnh tràn đầy với trí minh  
Hà-ri Hiền giả đáng tôn vinh!*

Hiền giả Hàrita ngâm tiếp vần kệ thứ sáu:

*6. Ác tâm, tham dục, do liên kết,  
Huỷ hoại trí nhân hướng Thánh hành.*

Sau đó vua ngâm vần kệ thứ bảy khuyến nhủ vị ấy quảng bỏ mọi tham dục:

*7. Vẻ đẹp trong tâm tịnh sáng ngời  
Bị hư vì ác dục sinh sôi,  
Quảng ngay, hạnh phúc đang chờ đón,  
Quần chúng tuyên dương trí tuệ ngài.*

Khi ấy Bồ - tát đã phục hồi năng lực Thiền định và quán sát sự đau khổ của tham dục, ngài ngâm vần kệ thứ tám:

*8. Vì tham dục trói buộc thân này,  
Sinh sản cho ta quả đắng cay,  
Ta quyết cắt sâu cho tận gốc  
Mọi mầm tham dục khởi lên đây.*

Nói vậy xong, ngài xin phép vua, rồi sau khi được chấp nhận, ngài về tham am tập trung nhả lực vào đề tài và nhận định, sau đó bước ra khỏi am, ngồi bắt chéo chân trên không và giảng Chánh pháp cho vua, ngài bảo:

- Tâu Đại vương, ta đã tạo nên sự chỉ trích của quần chúng vì ta cư trú một nơi mà ta không nên cư trú. Nhưng giờ đây xin Đại vương hãy tỉnh giác hộ phòng. Còn ta sẽ trở về núi rừng thoát ly mọi ô nhiễm của nữ sắc.

Rồi giữa những giọt nước mắt và tiếng than khóc của vua, ngài trở về Tuyết Sơn, rồi không gián đoạn Thiền định, ngài lên cõi Phạm thiên.

Bậc Đạo Sư biết toàn thể câu chuyện và bảo:

*9. Như vậy, Hà-ri bậc trí nhân  
Đấu tranh vì Chánh pháp kiên cường,  
Vừa khi rời bỏ niềm tham dục,  
Hướng đến Phạm thiên tiến thẳng đường.*

\*

*Sau khi ngâm vắn kệ do Trí tuệ tối thắng, Ngài tuyên thuyết các Sự Thật. Vào lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo có tâm thế tục ấy đã đắc Thánh quả.*

*Rồi Ngài nhận diện tiền thân:*

*- Thời bấy giờ vua là Ânanda, và Hārīta chính là Ta.*

-ooOoo-

## **Nguồn Tham Khảo**

<https://www.budsas.org/uni/index.htm>